CHƯƠNG VI
SÁU KỆ
(*CHANIPĀTA*)

I. PHẨM NGƯỜI LÁI ĐÒ
(*AVĀRIYAVAGGA*)

§376. CHUYỆN NGƯỜI LÁI ĐÒ (*Avāriyajātaka*) (*J.* III. 227)

Đừng bao giờ giận, hỡi Minh quân...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người lái đò.

Người ta bảo kẻ này là phàm phu vô trí. Y không biết được các đức tính của Tam bảo và các bậc hiền nhân. Y nóng vội, thô lỗ và hung bạo. Một Tỷ-kheo ở vùng quê nọ muốn đi yết kiến đức Phật, vào buổi chiều đến bến đò trên sông Aciravatī và bảo người lái đò:

– Này chú, tôi muốn qua sông, chú cho tôi lên đò đi.

– Thưa Tôn giả, trời tối rồi, hãy ở lại đây.

– Này chú, ta không thể ở lại đây, cho ta qua sông.

Người lái đò bực tức nói:

– Vậy thì ngài Sa-môn hãy mau lên đi!

Rồi đưa vị Tỷ-kheo lên đò, nhưng y lái đò thật vụng về khiến nước văng vào mạn đò làm ướt y của vị Tỷ-kheo, và đến khi trời tối mới đưa được ông qua bờ kia. Khi vị Tỷ-kheo đến tinh xá, ông không thể kịp yết kiến đức Phật ngay hôm ấy. Hôm sau, ông đi đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư đáp lễ và hỏi ông đến khi nào.

– Bạch Thế Tôn, hôm qua.

– Thế sao mãi hôm nay ông mới đến thăm Ta?

Khi nghe rõ lý do, bậc Đạo sư bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa, kẻ ấy cũng thô lỗ, y làm phiền các trí nhân ngày xưa giống như đã làm phiền ông.

Rồi theo lời thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh vào một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi môn nghệ thuật tại Takkasilā, rồi trở thành một vị khổ hạnh. Sau một thời gian dài sống bằng toàn củ quả rừng ở vùng Tuyết sơn, ngài đi đến Ba-la-nại để tìm muối và giấm. Ngài ở trong vườn ngự uyển và hôm sau vào kinh thành khất thực. Từ sân thượng hoàng cung, vua thấy ngài và hài lòng trước tướng mạo oai nghi của ngài nên cho người triệu ngài vào cung và cúng dường thực phẩm. Vua hứa mời ngài an trú trong ngự uyển và hàng ngày vua đến tham kiến ngài.

Bồ-tát bảo:

– Thưa Đại vương, một vị vua phải trị nước công bình, tránh xa bốn ác đạo, đầy nhiệt tâm tinh cần, kham nhẫn, từ ái, lân mẫn với toàn dân.

Với lời khuyến giáo thông thường như thế, ngài ngâm hai vần kệ đầu:

1. Đừng bao giờ giận, hỡi Minh quân!
Chúa tể trần gian, chớ hận sân,
Đừng lấy lòng sân bù mối hận,
Quân vương như vậy đáng suy tôn.

2. Dù ở rừng xanh hoặc ở làng,
Ở trên bờ biển, giữa trùng dương,
Chớ bao giờ giận, ta khuyên nhủ,
Mãi mãi từ nay, hỡi Đại vương!

Như vậy, Bồ-tát ngâm đôi vần kệ ấy hàng ngày cho vua nghe. Vua hoan hỷ ban tặng ngài một ngôi làng có số lợi tức là một trăm ngàn đồng vàng, song ngài từ chối. Bồ-tát sống cách này suốt mười hai năm liền. Sau đó ngài nghĩ: "Ta đã ở đây quá lâu, nay ta muốn du hành qua quốc độ rồi trở về."

Thế là không báo với vua, ngài chỉ nói riêng với người giữ vườn:

– Này hiền hữu, ta thấy chán, ta muốn du hành trong nước rồi trở về, nhờ bạn trình với đức vua.

Ngài đi ngay ra bến đò ở sông Hằng. Ở đó có gã chèo đò ngu ngốc tên là Avāriyapitā, y không hiểu đạo hạnh của bậc hiền nhân, cũng chẳng biết luôn cả việc ích lợi hay thiệt hại của riêng mình. Khi dân chúng muốn qua sông Hằng, trước tiên y đưa họ qua rồi sau đó đòi tiền đò. Có khi họ không trả tiền, y liền gây sự với họ, rồi chỉ nhận được lời mạ lỵ và đấm đá chứ rất ít tiền bạc, y thật ngu dại mù quáng đến thế.

***

Về gã này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ ba phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài:

3. Chú Avāriya, Thuyền lướt sóng Hằng hà,
Trước tiên đưa du khách, Rồi mới hỏi tiền phà,
Do vậy ăn đòn mãi, Thật xui xẻo, dại khờ!

***

Bồ-tát đến gặp gã lái đò này và bảo:

– Hiền hữu, hãy đưa ta qua bờ kia!

Y đáp:

– Này Sa-môn, ngài sẽ trả tiền cho tôi chứ?

– Này hiền hữu, ta sẽ chỉ cho chú biết cách làm tăng trưởng tài lợi, an lạc và đức hạnh.

Gã lái đò nghĩ thầm: "Chắc chắn vị này sẽ cho ta một cái gì đó."

Rồi y đưa ngài sang sông và nói:

– Xin cho tôi tiền đò.

Bồ-tát bảo:

– Được rồi, này hiền hữu.

Và thế là muốn dạy cho y biết trước tiên phải làm cách nào để tăng thêm của cải, ngài ngâm vần kệ này:

4. Hỏi tiền trước lúc chở qua sông,
Chớ đến bờ kia hỏi nhọc công,
Chú chở bá nhơn nên bá tánh,
Tánh tình thay đổi trước sau luôn.

Gã lái đò nghĩ thầm: "Đây chỉ là lời vị ấy khuyên ta, nay phải cho ta thêm cái gì chứ." Song Bồ-tát bảo:

– Này hiền hữu, chú đã có cách làm ra tiền rồi đấy, nay hãy nghe cách làm tăng an lạc cùng đức hạnh.

Rồi ngài lại ngâm vần kệ khuyến giáo:

5. Dù ở rừng xanh hoặc ở làng,
Ở trên bờ biển, giữa trùng dương,
Chớ bao giờ giận, ta khuyên chú,
Mãi mãi từ nay, hỡi thiện nhân.

Như thế, sau khi đã dạy cách làm tăng trưởng an lạc và đức hạnh, ngài bảo:

– Vậy là chú có cách làm tăng an lạc và đức hạnh.

Nhưng gã ngu si kia không xem lời khuyến giáo của ngài ra gì cả, lại đáp:

– Này Sa-môn, đây là các thứ ngài cho tôi thế tiền đò đấy à?

– Đúng vậy, hiền hữu.

– Tôi không cần thứ ấy, cho tôi thứ khác kia.

– Này hiền hữu, ngoài thứ ấy ta không có gì khác.

– Thế tại sao ngài lại đi trên thuyền tôi?

Y đáp và ném vị khổ hạnh lên bờ, ngồi lên ngực ngài và đấm vào mồm ngài.

***

Bậc Đạo sư bảo:

– Các vị thấy khi nhà khổ hạnh khuyến giáo vua thì nhận được ân tứ một ngôi làng, còn khi khuyến giáo như vậy với một gã lái đò ngu ngốc thì được vài cái đấm vào mồm. Cho nên khi khuyến giáo phải lựa người thích hợp, chớ nói với người không thích hợp.

Rồi Ngài ngâm vần kệ xuất phát từ trí tuệ tối thắng của Ngài:

6. Vua nghe lời khuyến thiện đã ban,
Lợi tức phần ta cả một làng,
Chú lái đò nghe lời khuyến thiện,
Lại đánh người cho ngã xuống đàng.

Trong khi gã kia đánh vị Sa-môn, vợ y đem cơm lại cho y, thấy vậy liền bảo:

– Này chàng, đây là vị khổ hạnh trong triều vua, đừng đánh ngài!

Y nổi giận đáp:

– Cô lại cấm ta đánh kẻ tu hành giả mạo này ư?

Rồi y nhảy lên đánh vợ ngã xuống đất. Đĩa cơm đổ hết vỡ tan, còn vợ y phải trụy thai. Quần chúng vây y lại và la lớn:

– Quân khốn nạn giết người.

Họ trói y lại đưa đến nhà vua. Ngài xử phạt y theo pháp luật.

***

Với trí tuệ tối thắng, bậc Đạo sư giải thích vấn đề qua vần kệ cuối cùng:

7. Cơm đổ, vợ bị đánh tả tơi,
Thai nhi chết trước lúc ra đời,
Lời khuyên cho kẻ này vô dụng,
Như vàng ròng tặng thú hoang thôi.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu):

– Vào thời ấy, gã lái đò là người lái đò ngày nay, vua là Ānanda và vị khổ hạnh chính là Ta.

§377. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SETAKETU (*Setaketujātaka*) (*J.* III. 232)

Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lừa dối. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện nam tử Uddālaka.*[1]

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một giáo sư danh tiếng lừng lẫy và dạy thánh kinh cho năm trăm đồ đệ. Vị huynh trưởng trong bọn là Setaketu, xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn phương Bắc, vốn rất tự cao về giai cấp mình.

Một hôm, chàng ra khỏi thành phố cùng bè bạn, lúc trở về, chàng thấy một kẻ Chiên-đà-la (*Caṇḍāla*):

Chàng hỏi:

– Anh là ai?

– Tôi là một Chiên-đà-la.

Vị ấy sợ ngọn gió sau khi chạm vào người kẻ Chiên-đà-la sẽ đụng vào thân mình, nên thốt lên:

– Đồ khốn kiếp, này tên Chiên-đà-la xui xẻo kia, hãy tránh gió mau!

Rồi chàng chạy nhanh về phía gió. Song kẻ Chiên-đà-la cũng nhanh chân bắt kịp chàng và đứng trước gió cản. Chàng lại càng phỉ báng mạ lỵ kẻ kia nhiều hơn nữa. Kẻ Chiên-đà-la hỏi:

– Ông là ai?

– Ta là một thư sinh Bà-la-môn.

– Tốt lắm, nếu vậy thì ông có thể đáp câu hỏi của tôi.

– Đúng vậy.

– Còn nếu ông không đáp được, tôi sẽ kẹp ông lại giữa hai chân tôi đấy.

Vị Bà-la-môn đầy tự tin bảo:

– Cứ làm ngay đi.

Kẻ Chiên-đà-la muốn làm cả hội chúng hiểu chuyện này, liền hỏi:

– Này thanh niên Bà-la-môn, các phương hướng là gì?

– Đó là bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Kẻ Chiên-đà-la bảo:

– Tôi không hỏi loại phương hướng đó, còn ông không biết ngay đến chuyện này, mà lại ghê tởm luôn cả ngọn gió đụng vào người tôi!

Thế là kẻ ấy chụp lấy vai chàng đè xuống kẹp vào giữa hai chân mình.

Các học trò kia đem chuyện ấy kể với thầy. Vị thầy bảo:

---

[1] Xem *J.* IV. 299, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

– Này cậu Setaketu, cậu đã bị kẹp giữa hai chân của một kẻ Chiên-đà-la ấy à?

– Thưa thầy, vâng, thằng oắt con, con của một tên nô lệ đã kẹp đệ tử giữa hai chân nó và bảo: "Ông này không biết ngay các phương hướng." Nhưng nay đệ tử đã biết phải làm gì với nó rồi.

Và như vậy, chàng lại phỉ báng kẻ Chiên-đà-la một cách giận dữ. Vị thầy khuyên nhủ:

– Này cậu Setaketu, đừng giận nó, nó có trí tuệ cao đấy. Nó đã hỏi cậu về một loại phương hướng khác, chứ không phải loại này. Thứ mà cậu không thấy, không nghe, không hiểu, còn cao xa hơn thứ mà cậu đã thấy và nghe nữa.

Rồi ngài ngâm hai câu kệ để khuyến giáo:

8-9. Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì,
Trí cao vượt quá chuyện mình nghe,
"Một phương" phải hiểu là cha mẹ,
"Thầy giáo" được dùng chỉ hướng kia,
"Gia chủ" cho y phục, uống ăn,
Cửa thường rộng mở, chính là "phương",
Còn "phương" trong nghĩa cao siêu nhất,
"Trạng thái vô ưu, lạc Niết-bàn."

Như vậy, Bồ-tát giảng giải bốn phương cho thanh niên Bà-la-môn này, song chàng nghĩ: "Ta đã bị kẹp giữa hai chân một kẻ Chiên-đà-la", liền rời nơi ấy và đến Takkasilā học đủ mọi môn nghệ thuật với một giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Sau đó, được thầy cho phép, chàng rời Takkasilā, vừa du hành đây đó vừa học tập mọi nghề thực tiễn. Khi đến một làng biên địa, chàng gặp năm trăm nhà khổ hạnh sống gần đó và được thọ giới tu hành. Chàng học hỏi được mọi nghệ thuật, kinh điển và các phương pháp thực hành, rồi tất cả cùng vị ấy đi đến Ba-la-nại.

Hôm sau, chàng đi vào cung đình khất thực. Vua hoan hỷ trước phong cách các vị khổ hạnh, liền cúng dường thực phẩm ngay tại cung vua, và mời các vị ở lại ngự viên. Một hôm, vua bảo trong lúc cúng dường thực phẩm:

– Chiều tối nay trẫm sẽ đến đảnh lễ các Tôn giả ngay tại ngự viên.

Setaketu liền đến ngự viên, triệu tập các vị khổ hạnh và bảo:

– Các Tôn giả, hôm nay đức vua sẽ đến. Chỉ cần một lần hòa hợp với vua chúa, người ta có thể sống sung sướng suốt cả đời. Vậy bây giờ, một số vị làm kiểu khổ hình bằng cách lắc mạnh người, một số vị nằm trên giường gai, một số vị chịu đựng năm ngọn lửa, một số thực hành khổ hạnh bằng cách ngồi xổm, một số nhào lộn, một số đọc kinh.

Sau khi ra lệnh xong, chính vị ấy ngồi tại cửa am thất với gối dựa, đặt quyển sách bao bìa sáng loáng trên một giá gỗ có sơn và giảng kinh cho đám học trò thông minh chừng bốn năm người. Vừa lúc ấy nhà vua đến, thấy họ đang diễn trò khổ hạnh giả dối này lại rất hài lòng. Vua đến gần Setaketu, kính vái chàng,

rồi ngồi xuống một bên, sau đó ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với vị tế sư của hoàng gia:

10. Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện,
Miệng thì thầm kinh thánh, dáng bình an,
Chẳng từ nan mọi phương tiện hiền nhân,
Chắc đã đạt chân như và giải thoát.

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ tư:

11. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn,
Khi việc hỏng, hoặc cứu người lâm·nạn.

Khi vua nghe lời này, liền lấy lại mọi ân sủng dành cho đám khổ hạnh kia. Setaketu nghĩ thầm: "Nhà vua ham thích đám khổ hạnh, song tế sư này đã phá hoại như thể lấy rìu chặt ngang sở thích của vua. Ta phải nói chuyện với tế sư mới được." Do thế, chàng ngâm vần kệ thứ năm nói chuyện với tế sư:

12. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngài bảo Vệ-đà là vật không cần,
Chỉ tu tập điều thân là thiết yếu.

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ sáu:

13. Không, Vệ-đà không hoàn toàn vô dụng,
Dù điều thân tu tập đạo chánh chân,
Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,
Song ta đạt tối an nhờ chánh hạnh.

Như vậy, vị tế sư bài bác giáo lý của Setaketu. Ngài khuyên cả đám khổ hạnh hoàn tục, cho họ gươm, giáo, mộc để làm quan thị vệ cao cấp hầu cận vua. Từ đó, người ta bảo dòng dõi quan thị vệ cao cấp xuất hiện.

***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Setaketu là Tỷ-kheo lừa dối này, kẻ Chiên-đà-la là Sāriputta và tế sư của nhà vua chính là Ta.

§378. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN DARĪMUKHA

(*Darīmukhajātaka*) (*J.* III. 238)

Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế.

Sự tình dẫn đến chuyện này đã được kể trước kia.

***

Một thuở nọ, vua xứ Magadha trị vì tại thành Rājagaha (Vương Xá). Bồ-tát được sinh làm con của chánh hậu, được đặt tên Vương tử Brahmadatta. Vào ngày ngài ra đời, vị tế sư của hoàng gia cũng sinh một nam tử, diện mạo tuấn tú, vì thế được đặt tên là Darīmukha (Miệng Hang Lớn). Cả hai cùng lớn lên trong cung đình và trở thành bạn thân. Năm mười sáu tuổi, hai vị đến Takkasilā học đủ mọi môn nghệ thuật. Sau đó, muốn tạo được các kiến thức có công dụng thực tiễn và tìm hiểu phong tục trong nước, hai vị du hành qua nhiều thành phố, thôn làng khắp mọi miền.

Vì vậy, hai vị đến Ba-la-nại trú ở trong một ngôi đền và hôm sau vào kinh thành khất thực. Có một nhà trong kinh thành đã nấu xong cháo gạo và chuẩn bị chỗ ngồi để cúng dường phần thức ăn cho các Bà-la-môn. Khi họ thấy hai nam tử này khất thực, họ nghĩ: "Các Bà-la-môn đã đến", liền mời vào và trải một tấm vải trắng tinh nơi chỗ ngồi của Bồ-tát và một thảm đỏ nơi chỗ ngồi của Darīmukha. Chàng quan sát điềm này và hiểu ngay thân hữu chàng sẽ làm vua ở Ba-la-nại và chính chàng sẽ làm đại tướng. Hai vị thọ thực xong phần mình rồi nói lời tùy hỷ công đức và ra đi về ngự viên. Bồ-tát nằm trên sàng tọa bằng đá của vua, còn Darīmukha ngồi xoa chân ngài.

Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại băng hà đã bảy ngày. Vị tế sư hoàng gia làm lễ hỏa táng xong liền đưa vương xa ra khỏi thành suốt bảy ngày vì chưa có ai kế vị ngai vàng. Lễ rước vương xa này sẽ được giải thích trong *Chuyện Đại vương Mahājanaka*.[2] Vương xa rời kinh thành và đến cổng ngự viên, được bốn đạo quân xa, pháo, mã, tượng hộ tống và âm nhạc của hàng trăm nhạc khí trỗi dậy vang lừng.

Darīmukha nghe tiếng nhạc, nghĩ thầm: "Vương xa đến rước thân hữu ta đó, ngài sẽ lên ngôi vua hôm nay và phong ta chức đại tướng, song ta có nên làm người thế tục chăng? Ta muốn đi ngay làm ẩn sĩ khổ hạnh." Vì thế, không nói gì với Bồ-tát, chàng chạy sang một bên đứng ẩn mình.

Vị tế sư ngừng xe trước cổng ngự viên, vừa bước vào thấy Bồ-tát đang nằm trên bảo tòa của hoàng gia. Vừa quan sát các tướng tốt trên chân ngài, ông nghĩ: "Ngài có đủ đức độ và xứng đáng làm vua cả bốn đại châu cùng với hai ngàn hải đảo vây quanh. Song lòng can đảm của ngài ra sao đây?" Vì thế, ông ra lệnh mọi nhạc khí đồng trỗi dậy hết sức inh ỏi. Bồ-tát thức dậy, giở tấm khăn ra khỏi mặt và thấy đám đông. Rồi che mặt lại, ngài nằm xuống thêm chút nữa, xong trở dậy ngồi xếp bằng trên sàng tọa trong lúc xe vừa dừng lại. Vị tế sư quỳ xuống thưa:

– Tâu Chúa thượng, quốc độ được nhường cho Chúa thượng.

– Sao? Không ai kế vị à?

– Tâu Chúa thượng, không.

---

[2] Xem *J.* V. 30, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539.

– Thế thì tốt lắm.

Vậy là ngài nhận lời thỉnh cầu và hội chúng làm lễ Quán đảnh rảy nước thánh lên đầu ngài tại ngự viên. Trong giờ phút đại vinh quang ấy, ngài quên bẵng Darīmukha, ngài ngự lên vương xa đi giữa đám quần thần, uy nghi diễu vòng quanh kinh thành. Sau đó, dừng lại trước cung môn, ngài chỉ định vị trí của các triều thần xong bước lên lầu thượng.

Cùng lúc ấy, Darīmukha thấy ngự viên đã vắng người liền bước ra ngồi trên bảo tòa trong vườn. Một ngọn lá khô rơi xuống trước mặt Ngài. Thấy rõ các quy luật lão tử, Ngài bừng ngộ tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã) và chứng đắc quả vị Độc Giác Phật (Pacceka Buddha), liền reo mừng hoan hỷ làm vang dậy cả cõi trần. Ngay lập tức, các đặc tính của một phàm nhân biến mất khỏi thân Ngài, một bình bát và một tấm y kỳ diệu từ cõi thiên rơi xuống khoác vào người và Ngài có đủ tám món cần thiết cùng tứ oai nghi hoàn thiện của một Sa-môn cả trăm tuổi. Rồi nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian đến tận động Nandamūla, nơi an trú của các vị Độc Giác Phật tại miền Tuyết sơn.

Phần Bồ-tát trị nước rất chân chánh. Song cảnh đại vinh quang đã làm ngài say đắm suốt bốn mươi năm ròng. Ngài quên hẳn Darīmukha. Đến năm thứ bốn mươi ấy ngài nhớ lại bạn và tự bảo: "Trẫm có thân hữu tên là Darīmukha, nay vị ấy ở đâu?" Ngài mong ước gặp lại bạn. Từ đó về sau, ngay trong hậu cung hay giữa quần thần, ngài thường bảo:

– Thân hữu Darīmukha nay ở đâu? Trẫm sẽ ban vinh hoa phú quý cho ai báo tin với trẫm về nơi bạn hiền cư trú.

Lại mười năm nữa trôi qua từ khi ngài thỉnh thoảng nhớ đến bạn. Còn Tôn giả Darīmukha đã trở thành Độc Giác Phật, sau năm mươi năm, suy xét lại và biết bạn cũng đang nhớ đến mình, Ngài liền nghĩ: "Nay bạn Ta đã già và tăng thêm đàn con cháu, Ta muốn đi thuyết pháp và truyền giáo cho bạn."

Nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian và hạ mình xuống vườn ngự uyển, ngồi xuống bảo tòa như một bức tượng vàng ròng. Người giữ vườn thấy Ngài, đi đến hỏi:

– Thưa Ngài, Ngài từ đâu đến?

– Từ động Nandamūla.

– Thế Ngài là ai?

– Hiền giả, Ta là Phật Độc Giác Darīmukha.

– Thưa Ngài, thế Ngài biết đức vua của chúng tôi chăng?

– Ta biết. Ngài là thân hữu từ thời Ta còn ở thế tục.

– Thưa Ngài, đức vua ước ao hội kiến Ngài, tôi xin đi trình báo đức vua rằng Ngài đã đến.

– Hiền hữu cứ đi làm như vậy.

Người làm vườn liền đi trình vua rằng Tôn giả Darīmukha đã đến và hiện đang ngồi trên thạch tọa. Vua phán:

– Thế là Hiền hữu của trẫm đã đến, trẫm sẽ đi hội kiến ngay.

Vì vậy, ngài ngự lên vương xa cùng đám tùy tùng hộ tống đông đảo đến ngự viên, cung kính đảnh lễ vị Độc Giác Phật và ngồi xuống một bên. Vị Độc Giác Phật bảo:

– Này Brahmadatta, Đại vương nên trị nước chân chánh, đừng bao giờ theo ác đạo hay đàn áp dân chúng vì tiền bạc. Hãy làm mọi thiện sự với lòng nhân từ!

Và sau đó, khi ân cần đáp lễ, Ngài bảo thêm:

– Này Brahmadatta, nay Đại vương đã già, đã đến lúc Đại vương nên từ giã dục lạc và xuất gia.

Như thế, Ngài thuyết pháp và ngâm vần kệ đầu:

14. Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn,
"Nỗi kinh hoàng ba gốc" được gọi là,
Ta bảo rằng khói bụi với sương sa,
Hãy bỏ chúng, xuất gia lìa thế tục!

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ giải thích ngài vẫn đang bị tham dục ràng buộc:

15. Trẫm say đắm, lún sâu bùn tham dục,
Bà-la-môn, dục lạc đáng khinh thay,
Song yêu đời, trẫm không thể bỏ ngay,
Trẫm xin nguyện suốt đời làm thiện sự.

Sau đó, mặc dù Bồ-tát bảo: "Ta không muốn thọ giới xuất gia", Độc Giác Phật Darīmukha cũng không bài bác vua và khích lệ lần nữa:

16. Ai bác bỏ lời bạn hiền khuyên nhủ,
Thương xót và mong bạn tránh đọa đày,
Cứ tưởng rằng: "Cõi thế tốt lành thay",
Sẽ không dứt tái sanh đầu thai mãi.

17. Nơi đày đọa đáng khinh: Phần kẻ ấy,
Đầy vật dơ, bị người thiện chê bai,
Kẻ tham kia dục vọng chẳng hề rời,
Thân xác chứa ngập đầy mầm nhục dục.

Như vậy, Độc Giác Phật Darīmukha nêu rõ sự khổ đau do nhập thai và vội vàng bày tỏ nỗi khổ đau vì sinh sản qua một vần kệ nữa:

18. Đầu máu mủ, vật hôi tanh thế tục,
Mọi hữu tình đều phải chịu tái sanh,
Những vật gì xúc chạm suốt đời mình,
Chỉ cốt để đem khổ đau trần giới.

19. Ta nói lên những điều ta trông thấy,
Chứ không lo người khác nói ta nghe,
Ta nhớ rành các đời kiếp xưa kia.

***

Lúc bấy giờ, với trí tuệ tối thắng, bậc Đạo sư bảo:

– Như thế, vị Độc Giác Phật đã dùng thiện ngôn cứu giúp nhà vua.

Và Ngài ngâm nửa vần kệ kết thúc:

Darīmukha đã rót vào tai bạn,
Bậc thiện tuệ lắm vần kệ ngọt ngào,
Hiển bày ra cả trí tuệ tối cao.

***

Vị Độc Giác Phật bày tỏ mọi khổ đau của tham dục và làm vua hiểu lời Ngài dạy xong, liền nói:

– Thưa Đại vương, dù Đại vương có thọ giới xuất gia hay không, Ta cũng đã nói hết nỗi khốn cùng của tham dục và hạnh phúc của đời xuất gia, xin Đại vương hãy tinh cần.

Rồi giống như một con Kim nga vương, Ngài bay bổng lên không, lướt mây về đến động Nandamūla. Còn bậc Đại sĩ đảnh lễ với mười ngón tay chắp vào nhau, và cúi đầu đứng yên cho tới khi Ngài khuất bóng. Sau đó, vua từ bỏ dục lạc, trong lúc quần chúng đông đảo than khóc kêu gào, ngài đi đến vùng Tuyết sơn dựng một lều lá và thọ giới làm ẩn sĩ. Chẳng bao lâu, ngài thành đạt các thắng trí và các thiền chứng; rồi lúc mạng chung, ngài được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật, sau đó nhiều Tỷ-kheo đắc Sơ quả cùng các quả vị kia và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, nhà vua chính là Ta.

§379. CHUYỆN NÚI NERU (*Nerujātaka*) (*J.* III. 246)

Hai chúng ta là loài chim ưu tú...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng, vị ấy học được các phương thức hành thiền của bậc Đạo sư xong, liền ra một làng ở biên địa. Tại đó, dân chúng hài lòng với phong cách của ông, nên cúng dường thực phẩm, dựng một thảo am ở trong rừng và yêu cầu ông ở lại đó, rồi bày tỏ lòng tôn kính, trọng vọng ông. Nhưng sau đó, họ lại rời bỏ ông để đi theo các đạo sư thuộc phái Thường kiến; rồi lại bỏ các vị này để theo phái Đoạn kiến; xong lại bỏ phái này để theo phái Khổ hạnh lõa thể, vì

đạo sư các phái này cứ lần lượt xuất hiện. Do thế, vị Tỷ-kheo này rất phiền lòng khi sống chung với những người không phân biệt thiện ác kia.

Sau thời an cư mùa mưa và lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*), vị ấy trở về hầu bậc Đạo sư và khi Ngài hỏi, ông kể lại những nơi ông đã cư trú trong mùa mưa vừa qua và ông đã phải phiền lòng ra sao vì những người không biết thiện ác. Bậc Đạo sư bảo:

– Các bậc trí ngày xưa, ngay khi còn là loài vật, cũng không sống chung một ngày với những kẻ không biết thiện ác, tại sao ông lại làm như vậy?

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một chim thiên nga màu vàng óng. Ngài sống cùng em trai trên đỉnh núi Cittakūṭa và ăn lúa dại trên vùng Tuyết sơn. Một hôm, bay về Cittakūṭa, đôi chim thấy ngọn núi Neru màu vàng rực rỡ liền đến ở trên đỉnh. Chung quanh núi có nhiều loài chim và dã thú cùng sống để kiếm ăn trên bãi. Từ lúc bọn chúng đến đây, tất cả đều nhuộm màu vàng do ánh sáng từ núi chiếu ra. Chim em của Bồ-tát thấy vậy, song không hiểu lý do liền hỏi:

– Vì cớ sao ở đây lại như vậy?

Và chim cất tiếng ngâm hai vần kệ đầu nói chuyện cùng anh:

20-21. Hai chúng ta là loài chim ưu tú,
Trên núi này bên đám quạ, diều hâu,
Cả mọi loài cùng chỉ có một màu,
Chó hạ liệt đua tranh cùng loài hổ,
Và với chúa sơn lâm, đàn sư tử,
Vậy núi này có tên gọi là sao?

Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp lại:

22. Neru là tên gọi núi tối cao,
Ở nơi đây muôn loài đều vàng óng.

Chim em nghe lời này liền ngâm ba vần kệ tiếp còn lại:

23-25. Hễ nơi nào thiện nhân không được trọng,
Hoặc ít hơn người khác, hãy đi liền,
Dẫu hiền, ngu, can đảm hoặc ươn hèn,
Đều nhất loạt được tôn sùng bình đẳng,
Thiện nhân chẳng thể cùng ngươi chung sống.
Hỡi núi cao không phán đoán phân minh!
Dầu tối ưu, hạ liệt hoặc trung bình,
Neru cũng chẳng thể nào suy xét,
Vậy hỡi ôi! Chúng ta đành từ biệt,
Núi Neru không biết lẽ biệt phân.

Cùng với lời này, cả đôi chim bay về núi Cittakūṭa.

***

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, thiên nga em là Ānanda và thiên nga anh chính là Ta.

§380. CHUYỆN THIÊN NỮ ĀSAṀKA (*Āsaṁkajātaka*)[3] (*J.* III. 248)

Āsāvatī mọc trên vườn thiên giới...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự cám dỗ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện các căn*.[4]

Bậc Đạo sư nhận thấy vị Tỷ-kheo này thối thất do mơ tưởng đến người vợ cũ, vì thế Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này đang làm hại ông, ngày xưa cũng vì kẻ ấy mà ông đã hy sinh cả bốn đạo quân và sống ba năm liền ở vùng Tuyết sơn trong cảnh đầy gian khổ.

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn tại một làng trong xứ. Khi ngài lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā, sau đó trở thành một vị khổ hạnh đạt được các thắng trí và các thiền chứng, sống bằng củ quả ở vùng Tuyết sơn. Vào thời ấy, có một thiếu nữ đức hạnh vẹn toàn từ cõi trời Ba Mươi Ba giáng trần, đầu thai làm một thiếu nữ trong đóa hoa sen trên hồ nước. Trong khi các hoa khác già cỗi héo tàn rơi rụng thì hoa ấy lớn dần và đứng thẳng trên cành.

Vị khổ hạnh đến tắm trong hồ nhận thấy thế, nghĩ thầm: "Các hoa khác rơi rụng, song hoa này cứ lớn dần ra và thẳng đứng, sao lạ thế này?" Ngài liền mặc áo tắm và lội đến đó, mở đóa sen ra, ngài trông thấy bé gái. Ngài cảm thấy thương yêu cô bé như con mình, liền đem cô bé về thảo am, chăm sóc nuôi nấng. Cô bé lớn dần đến năm mười sáu tuổi trở nên rất xinh đẹp, dung sắc vượt hẳn dung sắc loài người, nhưng chưa đạt đến dung sắc chư thiên.

Một hôm, Thiên chủ Sakka hiện xuống hội kiến Bồ-tát. Thiên chủ thấy thiếu nữ này liền hỏi chuyện và được biết nàng ở đâu ra. Ngài hỏi:

---

[3] Xem *Ap.* I. 37, *Upālittheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Upāli*); *J.* III. 69, *Succajajātaka* (*Chuyện dê cho*), số §320; *J.* III. 196, *Hirijātaka* (*Chuyện hổ thẹn*), số §363; *S.* I. 23, *Ujjhānasaññisutta* (*Kinh Ujjhānasaññi*); *Thag.* v. 261, 225, 320.

[4] Xem *J.* III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

– Nàng cần những thứ gì, thưa Tôn giả?

– Này Thiên chủ, một chỗ cư trú, y phục, nữ trang và thực phẩm.

Ngài liền hóa hiện một cung điện bằng pha lê cho nàng ở, cùng với bảo tòa, y phục, nữ trang, thực phẩm thần và tiên tửu. Thiên cung này bay xuống trần gian và dừng lại ở nơi nàng đang sống. Khi nàng bước vào trong cung, nó lại bay lên đến giữa không trung. Nàng chuẩn bị đủ mọi thứ phụng dưỡng Bồ-tát trong khi nàng sống trong cung này.

Một người kiểm lâm thấy nàng liền hỏi ngài:

– Thưa Tôn giả, nàng ấy là gì của ngài?

– Con gái ta đấy.

Người ấy liền đi về Ba-la-nại trình vua:

– Tâu Đại vương, tiểu thần vừa thấy trong vùng Tuyết sơn cô con gái của một vị khổ hạnh có dung sắc tuyệt thế.

Vua bị cám dỗ khi nghe chuyện này vội bảo người kiểm lâm làm hướng đạo cùng đi với vua và bốn đạo binh về hướng ấy. Cắm lều trại xong, vua đem người kiểm lâm và đám cận thần đến thảo am. Vua kính chào Bồ-tát và bảo:

– Thưa Tôn giả, nữ nhân là thứ bất tịnh đối với đời tu hành, vậy để trẫm chăm sóc tiểu thư.

Bấy giờ, Bồ-tát đã đặt cho cô gái tên Āsaṁkā (Nghi Hoặc) vì nàng được ngài đem về nuôi nhờ ngài lội qua hồ nước do lòng nghi hoặc: "Cái gì ở trong hoa sen này?" Ngài không nói thẳng với vua: "Hãy đem nàng đi", mà lại bảo:

– Thưa Đại vương, nếu ngài biết tên con gái ta thì hãy đem nàng đi.

– Thưa Tôn sư, nếu ngài nói ra thì trẫm sẽ biết.

– Ta sẽ không nói đâu, khi nào ngài biết tên ấy thì cứ đem nàng đi.

Vua chấp thuận, từ đó cứ suy xét cùng với đám cận thần: "Tên nàng là gì nhỉ?" và đưa ra đủ thứ tên khó đoán với Bồ-tát: "Những tên nọ tên kia là tên nàng..." Song Bồ-tát bảo không phải và từ chối lời thỉnh cầu. Vì vậy, một năm trôi qua trong khi vua xem xét tên nàng, sư tử và nhiều dã thú đến vồ lấy mọi người và binh sĩ của vua, lại thêm nhiều hiểm họa vì rắn rết, ruồi muỗi. Nhiều người khác chết vì lạnh. Vua bảo Bồ-tát:

– Trẫm cần gì nàng ấy nữa?

Và vua bỏ đi. Thiếu nữ Āsaṁkā hiện ra trên cửa sổ pha lê mở rộng. Vua thấy nàng liền bảo:

– Chúng ta không tìm ra tên nàng nên chúng ta sẽ ra đi, nàng cứ ở lại Tuyết sơn này.

– Tâu Đại vương, nếu ngài ra đi, ngài sẽ chẳng bao giờ tìm được một vương phi như thiếp nữa. Trên cõi trời Ba Mươi Ba, tại vườn Cittalatā có một loài cây leo tên Āsāvati. Trái của nó chứa một thứ tiên tửu, những ai uống rượu ấy một

lần là phải say suốt bốn tháng nằm yên trên thiên tọa. Nó chỉ sinh trái một lần trong một ngàn năm, cho nên các thiên tử dù ham mê rượu nồng vẫn chịu nhịn khát để đón chờ tiên tửu ấy. Họ bảo nhau: "Ta sẽ hái quả cây này", rồi cứ liên tục đến canh chừng cây ấy suốt cả ngàn năm và bảo nhau: "Cây mọc có tốt chăng?" Còn Đại vương, chỉ trong vòng một năm đã sinh lòng bất mãn, hễ ai hái được kết quả của niềm hy vọng là đạt hạnh phúc. Thiếp xin ngài khoan bất mãn vội!

Do vậy, nàng ngâm ba vần kệ đầu:

26. Āsāvati mọc trên vườn thiên giới,
Một ngàn năm chỉ sinh trái một lần,
Chư thiên hằng kham nhẫn mãi chờ trông.

27. Quá hy vọng, Đại vương, đầy ngon ngọt,
Chim hy vọng không bao giờ tổn thất,
Nó đạt tròn mong ước dẫu xa vời.

28. Tâu Đại vương, quá hy vọng ngọt bùi!
Cứ hy vọng, Đại vương, hy vọng mãi!

Vua lại mê say vì lời nàng, rồi triệu tập quần thần một lần nữa và cố đoán tên nàng, cứ mỗi lần đoán mười tên mãi đến khi một năm nữa trôi qua. Song tên nàng vẫn không ở trong số mười lời phỏng đoán kia, nên Bồ-tát từ chối lời vua thỉnh cầu. Nàng lại hiện ra trên khung cửa sổ và vua bảo:

– Thôi nàng ở lại đây, trẫm sắp ra đi.

– Tại sao ra đi, tâu Đại vương?

– Vì trẫm không thể nào đoán ra tên nàng.

– Tâu Đại vương, tại sao ngài không thể đoán ra? Niềm hy vọng không phải là không có thành công. Một con hạc đậu trên đỉnh đồi cũng đạt được mong ước, tại sao ngài không thể đạt được chứ? Tâu Đại vương, hãy kham nhẫn! Một chim hạc đã tìm nơi ăn trong một hồ sen, song nó bay lên tận đỉnh đồi. Nó ở lại đó hôm ấy và hôm sau tự nhủ: "Ta sống thật an lạc tại đỉnh đồi này. Nếu không cần xuống đồi, ta cứ ở đây tìm thức ăn nước uống và đậu tại đây hôm nay thật thích thú biết bao." Chính ngay hôm ấy, Thiên chủ Sakka đã dẹp tan các thần asura và làm chúa tể cõi trời Ba Mươi Ba, tự nhủ: "Mọi mong ước của ta đã đạt được đỉnh cao thành tựu. Hôm nay có ai trong rừng chưa đạt niềm mong ước chăng?" Suy xét như vậy ngài thấy con hạc và nghĩ: "Ta sẽ làm cho niềm mong ước của con hạc được thành tựu." Không xa con hạc đậu có một dòng suối, Thiên chủ đưa con suối đầy thức ăn lên đỉnh đồi, như thế chim hạc không cần đi đâu vẫn có cá ăn nước uống thỏa thích suốt ngày ở nơi ấy. Sau đó, dòng suối đổ xuống và trôi đi xa. Tâu Đại vương, con hạc đã đạt kết quả niềm hy vọng của nó như vậy, tại sao Đại vương sẽ không đạt được kia chứ? Xin Đại vương cứ hy vọng nữa, hy vọng mãi!

Nàng nói và ngâm vần kệ còn lại. Vua nghe chuyện nàng kể, lại say mê sắc đẹp nàng, bị lời nàng lôi cuốn, nên ở thêm một năm nữa để phỏng đoán cả trăm tên nàng. Sau ba năm, vua tìm đến Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Tôn giả, tên nàng có nằm trong trăm tên này chăng?

– Thưa Đại vương, ngài không biết tên ấy đâu.

Vua vái chào Bồ-tát và bảo:

– Chúng tôi xin từ giã lên đường.

Và vua ra đi. Thiếu nữ Āsaṁkā lại đứng bên cửa sổ pha lê. Vua trông thấy nàng liền bảo:

– Thôi nàng ở lại, chúng ta sắp lên đường.

– Tại sao thế, tâu Đại vương?

– Nàng làm ta đẹp lòng vì lời nói chứ không phải vì tình yêu của nàng. Ta say mê lời nói dịu ngọt của nàng, nên đã ở đây ba năm ròng, nay ta quyết ra đi.

Rồi vua ngâm các vần kệ sau:

29-30. Lời nói nàng nghe quả thật dịu êm,
Song hành động không thỏa lòng mong đợi,
Hoa hữu sắc vô hương là cỏ dại,
Lời hứa kia dẫu đẹp chẳng thi hành,
Với bạn thân, ta phải ném cho nhanh,
Chẳng đem tặng, cứ để dành mãi mãi,
Tình bạn kia tất nhiên là suy thoái.

31. Ta chỉ nên hứa trước việc mình làm,
Đừng hứa suông những việc chẳng đảm đang,
Nếu ta nói mà không làm phận sự,
Các trí nhân xét xem liền thấy rõ.

32. Đạo quân ta hao tổn, cạn kho lương,
Ta hoài nghi đời sống đã suy tàn,
Đã đến lúc ra đi, đành từ biệt.

Khi nàng Āsaṁkā nghe lời vua liền đáp:

– Tâu Đại vương, ngài biết tên thiếp rồi, ngài vừa nói ra tên ấy. Xin hãy nói cho phụ thân biết tên thiếp và đem thiếp cùng ra đi!

Nói vậy xong, nàng liền ngâm vần kệ:

33. Tâu Đại vương, vừa nói ra tên thiếp,
Hãy đến ngay, cha thiếp nhận cầu hôn.

Vua đến gặp Bồ-tát và nói:

– Thưa Tôn giả, tiểu thư tên là Āsaṁkā.

– Thưa Đại vương, ngài đã biết tên nàng, vậy hãy đem nàng ra đi!

Vua kính lễ Bồ-tát và đến cung pha lê bảo nàng:

– Này, quý cô nương, phụ thân nàng đã gả nàng cho ta, vậy hãy đến đây ngay.

Nàng bảo:

– Tâu Đại vương, thiếp sẽ đi xin phép phụ thân.

Rồi từ cung pha lê, nàng bước xuống đảnh lễ Bồ-tát, được ngài ưng thuận và cho phép ra đi cùng nhà vua. Vua đem nàng về Ba-la-nại, cùng nàng sống hạnh phúc, sinh được thêm nhiều hoàng tử và công chúa. Còn Bồ-tát tiếp tục hành thiền định và tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Āsaṁkā là người vợ cũ kia, vua là vị Tỷ-kheo bất mãn này và vị khổ hạnh chính là Ta.

§381. CHUYỆN CHIM THỨU MIGĀLOPA (*Migālopajātaka*)[5] (*J.* III. 255)

Đường con bay bổng, hỡi con thân...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất tuân giới luật.

Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo:

– Có thật ông bất tuân giới luật chăng?

Vị ấy đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo:

– Không phải ông bất tuân giới luật lần đầu mà xưa kia vì tính ngỗ nghịch không nghe lời khuyên của bậc trí, ông phải mạng vong vì gặp cuồng phong.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim thứu (kên kên) tên Aparaṇṇa sống cùng đoàn chim thứu tùy tùng ở Gijjhapabbata (núi Linh Thứu). Con ngài tên Migālopa cường tráng dũng mãnh phi thường. Nó bay cao vượt mức độ các chim thứu khác. Chúng liền kể cho thứu vương nghe con ngài bay quá cao. Ngài gọi Migālopa đến bảo:

– Này con, chúng bảo con bay quá cao. Nếu quả vậy, con tự gây tử vong cho mình đấy.

---

[5] Xem *J.* III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thứu*), số §427.

Ngài lại ngâm ba vần kệ:

34. Đường con bay bổng, hỡi con thân,
Cha thấy chúng sao thật bất an,
Con vụt lên cao xa quá mức,
Vượt vùng ta sống thật an toàn.

35. Khi đất chỉ là một bãi vuông,
Hiện ra phía trước mắt con trông,
Thì nên quay lại thôi con nhé,
Đừng táo bạo bay vút giữa không.

36. Chim sải cánh bay tận cõi không,
Chúng thường gặp bão tố cuồng phong,
Khi đang nỗ lực lên cao mãi,
Vì chúng kiêu căng phải mạng vong.

37-38. Khinh lời khuyên nhủ thật khôn ngoan,
Của đấng lão thân, gặp hắc phong,
Tên gọi Verambā bão tố,
Vợ con, gia sản phải tan hoang.

39. Do vậy những ai chẳng chú tâm,
Nghe lời huynh trưởng vẫn khuyên răn,
Như chim kiêu mạn bay đi lạc,
Bất phục lệnh trên gặp tử thần.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Migālopa là Tỷ-kheo bất tuân giới luật và thứu vương Aparaṇṇa chính là Ta.

§382. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KĀḶAKAṆṆĪ

(*Sirikāḷakaṇṇijātaka*) (*J.* III. 257)

Ai đây xanh thẩm hóa đen huyền...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Từ thời ông được an trú vào quả Dự lưu, ông hành trì ngũ giới trọn vẹn. Tất cả vợ con, gia nhân của ông đều làm như vậy.

Một hôm, tại pháp đường, Tăng chúng bắt đầu thảo luận xem ông Cấp Cô Độc và gia quyến ông có giữ Thánh đạo thanh tịnh chăng. Bậc Đạo sư bước vào và được hội chúng trình bày đề tài ấy, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, các bậc trí thời xưa cũng đã giữ cho toàn gia quyến được thanh tịnh.

Và Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thương nhân, bố thí, trì giới và toàn thể con cháu, gia nhân trong nhà cũng làm như vậy. Cho nên ngài được gọi là thương nhân Suciparivāra (toàn gia thanh tịnh). Ngài suy nghĩ: "Nếu có vị nào giữ giới đức thanh tịnh hơn ta đến đây, và ta mời vị ấy ngồi trên ghế của ta hay nằm trên giường của ta thì không thích hợp, mà ta phải mời ngồi trên bảo tòa thanh tịnh chưa ai dùng." Như thế, ngài dặn gia nhân chuẩn bị một bảo tòa và một bảo sàng mới nguyên đặt vào một bên khách sảnh đặc biệt của ngài.

Vào thời ấy, trên cõi trời Tứ Thiên Vương có hai nàng tiên là: Kāḷakaṇṇī (Bất Hạnh), ái nữ của Virūpakkha (Quảng Mục Thiên vương); và Sirī (Hạnh Phúc), ái nữ của Dhataraṭṭha (Trì Quốc Thiên vương) cùng đem nhiều vòng hoa và hương liệu đi đến hồ Anotatta để vui chơi tại đó.

Bấy giờ, tại hồ đó có nhiều chỗ tắm. Chư Phật có chỗ tắm riêng, các vị Độc Giác Phật có chỗ riêng, các Tỷ-kheo có chỗ riêng, các thiên tử sáu tầng trời dục giới (trong đó có Tứ Thiên Vương an trú ở tầng thứ nhất) có chỗ riêng và các thiên nữ có chỗ riêng. Hai thiên nữ này đến đấy và bắt đầu tranh cãi xem ai được tắm trước. Kāḷakaṇṇī nói:

– Ta ngự trì cõi trần, ta tắm trước mới hợp lý.

– Ta cai quản con đường giới hạnh đem lại địa vị tối cao của nhân loại. Ta tắm trước mới hợp lý.

Sirī đáp. Sau đó cả hai đều nói:

– Tứ Thiên vương sẽ biết giữa hai ta ai sẽ phải tắm trước.

Thế là hai nàng đi hỏi các Thiên vương rằng ai giữa hai nàng xứng đáng tắm trước tại hồ Anotatta. Hai Thiên vương Dhataraṭṭha và Virūpakkha đáp:

– Chúng ta không thể quyết định được.

Và hai vị giao phận sự ấy cho Virūḷha (Tăng Trưởng Thiên vương) và Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Hai vị này cũng bảo:

– Chúng ta không quyết định được, chúng ta muốn đưa chuyện đến bệ kiến Thiên chủ.

Rồi hai vị đưa chuyện đến Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Thiên chủ nghe chuyện, thầm nghĩ: "Hai nàng này là ái nữ của Thiên vương chư hầu của ta, ta không thể quyết định được chuyện ấy", và bảo hai nàng:

– Tại thành Ba-la-nại có một thương nhân tên gọi Suciparivāra, trong nhà vị ấy có đặt sẵn một bảo tòa và một bảo sàng mới nguyên, nàng nào có thể nằm ngồi ở chỗ ấy trước thì xứng đáng là người được tắm trước.

Kāḷakaṇṇī nghe vậy lập tức khoác y phục màu xanh, tẩm dầu thơm màu

xanh và tô điểm nữ trang màu xanh (màu xanh tượng trưng cho điềm xấu). Rồi từ thiên giới, nàng giáng trần trên một thạch bàn do chiếc cung thần bắn ra. Sau canh giữa đêm, nàng trụ trên không, tỏa ra một làn ánh sáng xanh không xa vị thương nhân đang nằm trên một bảo tòa trong khách sảnh đặc biệt của lâu đài. Vị thương nhân nhìn lên thấy nàng, song đối với ngài, nàng không có vẻ nhân từ, khả ái. Ngài liền ngâm vần kệ đầu nói chuyện với nàng:

40. Ai đây xanh thẫm hóa đen huyền,
Không khả ái đâu trước mắt nhìn,
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,
Làm sao ta biết, hỡi cô tiên?

Nghe lời này, Kāḷakaṇṇī ngâm vần kệ thứ hai:

41. Quảng Mục Thiên vương chính phụ thân,
Kāli là bất hạnh, tai ương,
Xin ngài cho một phòng lưu trú,
Kề cận ngài như dạ ước mong.

Sau đó, Bồ-tát đáp vần kệ thứ ba:

42. Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?
Đường nào nhân thế bước chân đi?
Đây là câu hỏi xin nàng đáp,
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Nàng lại ngâm vần kệ thứ tư, giải thích các đặc tính của nàng:

43. Giả dối, buông lung, cáu kỉnh luôn,
Vong ân, tật đố, dạ xan tham,
Ác nhân, ta giúp thành công để,
Thắng lợi làm cho chúng diệt vong.

Nàng còn ngâm thêm vần kệ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy:

44-46. Sân hận lại còn thân thiết hơn,
Giao tranh, phỉ báng, lẫn hung tàn,
Kẻ ngu không biết người lương thiện,
Oán ghét lời khuyên, lẫn thiện nhân.
Người nào hành động trí ngu si,
Bằng hữu thảy đều phải chán chê,
Kẻ ấy với ta là bạn đó,
Ta tìm lạc thú ở người kia.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tám khiển trách nàng:

47. Kāli, nàng hãy bước đi ngay,
Chẳng có gì vui thú ở đây,
Hãy đến các kinh thành xứ khác,
Biến cho nhanh ra khỏi chốn này!

Kāḷakaṇṇī nghe vậy, buồn rầu ngâm vần kệ đáp lời:

48. Ta vẫn biết ngài rõ lắm thay,
Không gì vui thú ở nơi đây,
Những người ác tạo nhiều mưu kế,
Huynh đệ ta làm biến mất ngay.

Khi nàng đã đi rồi, thiên nữ Sirī xuất hiện với y phục, dầu thơm, nữ trang toàn màu rực rỡ ngay trước cửa phòng khách, vừa tỏa ra một làn ánh sáng toàn màu vàng, nàng đứng trên đất bằng hai chân vững chắc và dáng điệu kính cẩn. Bồ-tát thấy nàng liền ngâm hai vần kệ đầu:

49. Ai đây màu sáng chói thiên thần,
Trên đất bình yên, dáng thật chân,
Con gái nhà ai, nàng ấy nhỉ,
Làm sao ta biết, hỡi tiên nương?

Sirī nghe vậy liền đáp vần kệ thứ hai:

50. Trì Quốc Thiên vương chính phụ thân,
Ta là Hạnh Phúc, trí am tường,
Thế nhân tán tụng, xin an trú,
Để sánh cùng ngài dạ ước mong.

Sau đó ngài hỏi:

51. Nàng vẫn sống theo giới hạnh gì?
Đường nào nhân thế bước chân đi?
Đây là câu hỏi xin nàng đáp,
Ta muốn chú tâm để lắng nghe.

Sirī đáp lại:

52. Người nào dù nóng, lạnh, phong ba,
Đói khát, ruồi gây bệnh, độc xà,
Phận sự ngày đêm làm trọn vẹn,
Ta luôn quý mến, hợp cho ta!

53. Nhã nhặn, thiết thân, hạnh chánh chơn,
Khoan dung, thẳng thắn, tánh không gian,
Đàng hoàng, thiện cảm, lời hiền dịu,
Đạt địa vị cao vẫn nhún nhường,
Có người nam ấy, ta thành trưởng,
Như sóng vỗ cao giữa đại dương.

54. Người nào đối bạn hay cừu nhân,
Đối với người hơn, kém, hoặc bằng,
Có lợi ích hay là chẳng lợi,
Mập mờ đối đãi hoặc công minh,

Người không hề nói lời thô lỗ,
Ta thuộc người này, dẫu tử sinh.

55. Song nếu kẻ ngu được mến thương,
Lại sinh ngạo mạn với kiêu căng,
Con đường bất thiện đầy ngoan cố,
Ta tránh xa như một vũng bùn.

56. Ai có một trong đức tánh trên,
Mà kiêu mạn, thiếu trí cho rằng,
"Sirī yêu dấu mê ta lắm!"
Ta sẽ tránh người như tránh phân.

Đó là lời giải đáp của Sirī khi được vị thương nhân hỏi. Bồ-tát hoan hỷ trước lời nàng, liền bảo:

– Đây là sàng tọa thanh tịnh, xứng đáng dành cho nàng. Hãy nằm ngồi lên đó!

Nàng ở lại đến sáng hôm sau giã từ về cõi trời Tứ Thiên Vương và tắm trước tiên tại hồ Anotatta. Sàng tọa được Sirī dùng tên là Sirisaya. Đó là nguồn gốc của từ *sirisayana* (bảo tòa, vương sàng) và vì lý do đó, nó được gọi như vậy cho đến ngày nay.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, thiên nữ Sirī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và thương nhân Suciparivāra chính là Ta.

§383. CHUYỆN KÊ VƯƠNG (*Kukkuṭajātaka*)[6] (*J.* III. 265)

Chim có cánh hồng sáng rực sao...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo mơ tưởng đời thế tục.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Tại sao ông mơ tưởng đời thế tục?

– Bạch Thế Tôn, chính vì tham dục con đã trông thấy một nữ nhân trang sức diễm lệ.

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân cũng như mèo cái, thường dối lừa và tán tỉnh để làm hại kẻ nào đã rơi vào uy lực của họ.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[6] Xem *J.* III. 133, *Vānarajātaka* (*Chuyện con khỉ*), số §342; *J.* III. 437, *Sulasājātaka* (*Chuyện kiều nữ Sulasā*), số §419; *J.* IV. 56, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §448.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm gà trống sống trong rừng với đoàn tùy tùng hàng trăm gà trống khác. Không xa đó có một con mèo cái. Nó đã dùng nhiều mưu kế dụ dỗ nhiều gà trống để ăn thịt, ngoại trừ Bồ-tát, song Bồ-tát vẫn không rơi vào mãnh lực của nó. Mèo cái nghĩ thầm: "Con gà trống này thật tinh khôn, song nó biết đâu là ta cũng tinh khôn và đầy phương tiện tinh xảo. Nếu ta dụ dỗ nịnh hót nó và bảo: 'Thiếp muốn làm vợ chàng', rồi sẽ ăn thịt nó khi nó rơi vào tay ta thì tốt biết bao."

Mèo cái liền đến dưới gốc cây nơi gà trống đậu vừa khẩn cầu gà bằng giọng lưỡi tán tụng vẻ đẹp của gà trống vừa ngâm vần kệ đầu:

57. Chim có cánh hồng sáng rực sao,
Mồng cao rũ xuống đẹp dường bao,
Thiếp nay ước muốn nên chồng vợ,
Bỏ cây xuống với thiếp đây nào!

Bồ-tát nghe vậy suy nghĩ: "Nó đã ăn thịt tất cả họ hàng nhà ta, nay nó lại muốn phỉnh nịnh ta để ăn ta luôn. Ta quyết tìm cách tống nó đi." Vì thế, ngài ngâm vần kệ thứ hai:

58. Cô nàng quyến rũ, đẹp xinh ôi!
Nàng có bốn chân, tôi chỉ hai,
Chim, thú không bao giờ kết hợp,
Hãy tìm chàng khác thật cân đôi.

Mèo cái liền nghĩ: "Gà trống này tinh khôn khác thường, ta phải quyết dùng mưu này kế nọ dụ nó và ăn thịt nó mới được." Vì thế, nó ngâm vần kệ thứ ba:

59. Thiếp dâng chàng sắc đẹp thanh xuân,
Lời nói dịu êm nhã nhặn luôn,
Làm vợ quý yêu hay thị nữ,
Tùy nghi đối xử hợp phu quân.

Sau đó, Bồ-tát lại nghĩ: "Tốt nhất là phải mạ lỵ nó và tống cổ nó đi nơi khác", ngài liền ngâm vần kệ thứ tư:

60. Con mèo hút máu họ nhà gà,
Cướp giết bạo tàn thật xấu xa,
Vợ quý ư? Không hề quý trọng,
Trong lòng mèo lúc tán dương ta.

Mèo cái bị tống đi, từ đó không còn dám nhìn mặt gà được nữa.

***

61. Vậy khi chúng thấy một anh hùng,
Cả bầy nhi nữ thật tinh khôn,
Cố tìm cách để hòng lôi cuốn,
Cứ xem mèo cái với kê vương.

62. Ai không đối phó trước nguy nan,
Đành phải ngã dài ở dưới chân,
Cúi mặt phục tùng ngay địch thủ,
Trong niềm uất hận lẫn đau buồn.

63. Người kịp thời xem xét sự tình,
Gian nguy xảy đến số phần mình,
Như gà trống lánh xa mèo cái,
Cừu địch kia cần tránh thật nhanh.

Đây là các vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, Ta chính là vua gà ấy.

§384. CHUYỆN PHÁP ẤN (*Dhammaddhajajātaka*)[7] (*J.* III. 267)

Hành trì đức hạnh, hỡi chư huynh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lừa dối.

Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, kẻ này không chỉ lừa dối lần đầu tiên.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một con chim. Khi lớn lên ngài sống giữa bầy chim tùy tùng của ngài trên một đảo giữa biển cả.

Một hôm, có đoàn thương nhân đem theo một con quạ và khởi hành ra khơi, đến giữa biển tàu bị chìm. Con quạ bay đến đảo này, nghĩ thầm: "Đây có cả đàn chim lớn, nếu ta dùng kế lừa gạt chúng rồi ăn thịt cả trứng lẫn chim non thì hay biết bao." Thế rồi, nó bay xuống giữa bầy chim, vừa há mỏ vừa đứng một chân trên mặt đất. Bầy chim hỏi:

– Thưa tôn giả, ngài là ai?

– Ta là một thánh giả.

– Tại sao ngài chỉ đứng một chân?

– Nếu ta đặt chân kia xuống, quả đất không thể chịu đựng nổi ta.

---

[7] Tham chiếu: *Dh.* v. 168-169; *Pháp cú kinh* "Thế tục phẩm" 法句經世俗品 (*T.*04. 0210.21. 0566a19); *Xuất diệu kinh* "Phóng dật phẩm" 出曜經放逸品 (*T.*04. 0212.5. 0641c17); *Xuất diệu kinh* "Lạc phẩm" 出曜經樂品 (*T.*04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phóng dật phẩm" 法集要頌放逸品 (*T.*04. 0213.4. 0779a01); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Lạc phẩm" 法集要頌經樂品 (*T.*04. 0213.30. 0794a16).

– Thế tại sao ngài vừa đứng vừa há mỏ?

– Ta không ăn thực phẩm gì cả, chỉ hút gió.

Cùng với lời này, quạ gọi bầy chim lại bảo:

– Ta sẽ thuyết giáo cho các anh, hãy lắng nghe!

Rồi quạ ngâm vần kệ đầu để giảng giáo lý:

64. Hành trì đức hạnh, hỡi chư huynh,
Cầu chúc chư huynh đệ phước lành!
Ta nói lại: Hành trì đức hạnh,
Đời này, đời kế đạt an bình.

Đàn chim không biết quạ nói thế với âm mưu lừa dối chúng để ăn trứng chim, liền ca ngợi quạ và ngâm vần kệ thứ hai:

65. Chim này chánh hạnh, phước ân tràn,
Thuyết giảng chỉ cần đứng một chân.

Bầy chim đầy tin tưởng con quạ gian ác này, liền bảo:

– Thưa tôn giả, ngài không cần thực phẩm gì cả, chỉ cần hút gió mà sống, vậy xin ngài canh chừng lứa trứng này và bầy chim non của chúng tôi.

Như thế, chúng bay đi đến nơi ăn thường lệ. Khi chúng đã đi xa, con quạ độc ác này ăn đầy một bụng cả trứng lẫn chim non. Rồi khi bầy chim trở lại, nó liền đứng yên lặng trên một chân và há mỏ ra.

Đàn chim khi bay về tổ không thấy lũ chim non, liền kêu thét lên:

– Ai có thể ăn chúng rồi chứ?

Song chúng lại bảo nhau:

– Ông quạ này là một bậc thánh mà!

Chúng không nghi ngờ gì con quạ cả. Sau đó, một hôm, Bồ-tát nghĩ thầm: "Trước đây không có gì nguy hiểm xảy ra, chỉ từ khi có con quạ này đến mới bắt đầu có tai họa, vậy tốt hơn phải thử nó."

Vì thế, ngài làm như thể sắp bay đi ăn cùng bầy chim kia, rồi ngài quay lại đậu một chỗ kín đáo. Con quạ tin tưởng bầy chim đã bay hết liền đứng lên, đến ăn cả trứng lẫn chim non, xong lại đứng trên một chân, há mỏ ra như cũ. Khi bầy chim bay về, chim chúa tụ tập chúng lại và bảo:

– Hôm nay ta đã quan sát mối hiểm họa đến với đàn con của chúng ta và ta thấy con quạ gian ác này đã ăn thịt chúng, vậy ta quyết bắt nó!

Như thế ngài họp bầy chim vây quanh con quạ và bảo:

– Nếu nó bay đi trốn, ta phải bắt lấy nó!

Rồi ngài ngâm các vần kệ tiếp theo:

66. Các con không biết tính chim này,
Khi tán các con, ngu dại thay!

"Đức hạnh" nó rao "đức hạnh" mãi,
Rồi ăn cả trứng lẫn con bầy!

67. Những điều nó giảng, giọng thanh thanh,
Song bọn chúng không thể thực hành,
"Đức hạnh" nó ồn ào trống rỗng,
Chánh chân của nó chẳng chân thành.

68. Giả dối trong tâm, lưỡi phỉnh phờ,
Nó là rắn hổ lén bò vô,
Nó nhờ áo khoác ngoài lừa gạt,
Dân chúng, vì chúng quá dại khờ.

69. Lấy mỏ, cánh lôi nó đánh ngay,
Xé tan nó với móng chim này.
Đời tàn cho đáng, tên hèn hạ,
Phản bội niềm tin chính nghĩa đây.

Cùng với những lời này, chính chim chúa vụt bay lên lấy mỏ đánh vào đầu quạ và cả đàn chim cũng lấy mỏ và chân đánh quạ cho đến chết.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo lừa dối này và chim chúa chính là Ta.

§385. CHUYỆN LỘC VƯƠNG NANDIYA

(*Nandiyamigajātaka*) (*J.* III. 270)

Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển...

Bậc Đạo sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Ngài hỏi vị Tỷ-kheo:

– Có thật là ông phụng dưỡng người thế tục?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Họ là ai?

– Bạch Thế Tôn, đó là cha mẹ con.

– Tốt lành thay, tốt lành thay, này Tỷ-kheo, ông duy trì giới luật của các trí nhân ngày xưa, vì các vị ấy ngay khi sinh làm súc vật cũng hy sinh tính mạng vì cha mẹ!

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, lúc vua nước Kosala cai trị dân chúng tại Sāketa (Oudh), Bồ-tát được sinh làm con nai. Khi lớn lên, ngài có tên là Nandiyamiga (Hỷ Lộc) với tính tình và đức hạnh ưu thắng, ngài phụng dưỡng song thân của mình.

Vua nước Kosala có ý thích săn bắn, hằng ngày đi vào rừng cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vì thế dân chúng không thể làm nghề canh tác và nghề thương mãi của họ được. Họ tụ tập nhau bàn luận:

– Này các ông, đức vua của chúng ta đang hủy hoại nghề nghiệp của chúng ta, đời sống gia đình ta đang tàn tạ, nên chăng là chúng ta phải rào lâm viên Añjanavana lại, làm một cổng lớn, đào một hồ nước và gieo cỏ mọc lên, rồi vào rừng cầm gậy trong tay, đập vào các bụi rậm, như thế đuổi được bầy nai ra và đưa chúng đi vào lâm viên ở như bầy bò trong chuồng? Sau đó, chúng ta đóng cổng lại, trình đức vua việc ấy và đi làm công việc của chúng ta?

– Đó là cách ta phải làm.

Họ bảo nhau. Và họ đồng ý chuẩn bị lâm viên sẵn sàng, rồi vào rừng rào một khoảng rộng mỗi bề một dặm. Lúc ấy, Nandiya đã đem cha mẹ vào một bụi cây nhỏ và nằm xuống đất. Dân chúng cầm khiên mộc, vũ khí bao vây bụi rậm kề sát nhau, một vài người bước vào tìm. Nai Nandiya thấy họ liền nghĩ: "Thật tốt là ta sẽ hy sinh tính mạng mình hôm nay để cứu cha mẹ." Như thế, nai đứng dậy chào cha mẹ và nói:

– Thưa cha mẹ, đám người này sẽ trông thấy cả ba chúng ta nếu họ vào trong bụi, cha mẹ chỉ có thể sống sót được bằng một cách duy nhất, và mạng sống cha mẹ là tối thượng. Con sẽ hy sinh tính mạng của con vì cha mẹ, bằng cách đứng bên bờ bụi cây và chạy ra ngay khi họ đập vào bụi, sau đó họ sẽ nghĩ rằng chỉ có một con nai nhỏ trong bụi nhỏ này thôi, và sẽ không bước vào trong. Vậy cha mẹ hãy cố hết sức thận trọng!

Thế là nai xin được phép đứng lên sẵn sàng chạy ra.

Ngay khi bụi cây bị đám người đứng bên ngoài bờ đập mạnh và la hét, nai vụt chạy ra nên họ nghĩ rằng chỉ có một con nai trong ấy và không bước vào trong. Nandiya cùng đi với đám nai kia, được đám người ấy xua vào trong lâm viên, rồi họ đóng cổng lại và trình lên đức vua xong xuôi, họ trở về nhà. Từ đấy, bao giờ vua cũng tự mình đi bắn nai, rồi hoặc vua mang nai về, hoặc truyền người đi tìm nó mang về.

Bầy nai chuẩn bị chờ đến phiên mình, con nào đến phiên phải đứng sang một bên, rồi họ mang nó đi khi nó đã bị bắn chết. Nandiya cứ uống nước trong hồ và ăn cỏ, nhưng chưa đến phiên mình. Nhiều ngày sau cha mẹ ngài mong muốn gặp con, liền nghĩ: "Con ta Nandiya là lộc vương, mạnh khỏe như voi và hoàn toàn tráng kiện. Nếu còn sống chắc chắn nó sẽ nhảy rào về thăm chúng ta rồi." Vì thế hai vị đứng bên vệ đường, vừa thấy một Bà-la-môn, liền hỏi bằng giọng người:

– Thưa Tôn giả, ngài đi đâu thế?

Vị ấy đáp:

– Đi Sāketa.

Nghe vậy, hai vị muốn nhắn đôi lời cho con bèn ngâm vần kệ đầu:

70. Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển,
Khi ngài đi qua xứ Oudh kinh đô,
Xin tìm Nandiya yêu dấu của ta,
Và nhắn gửi một đôi lời chân thật,
"Qua tháng năm cha mẹ già kiệt lực,
Lòng khát khao mong mỏi đợi con về."

Vị Bà-la-môn bảo:

– Được lắm!

Và ông nhận lời.

Ngày hôm sau ông đi đến Sāketa, vào vườn ngự uyển và hỏi lớn:

– Nai nào là Nandiya?

Nai chúa đến gần ông và bảo:

– Ta đây!

Vị Bà-la-môn nói lại lời nhắn kia, Nandiya nghe vậy đáp:

– Này Bà-la-môn, ta có thể ra đi. Chắc chắn ta có thể nhảy rào trốn đi. Song ta đã thọ hưởng thức ăn nước uống đầy đủ của đức vua và việc ấy đối với ta như một món nợ. Ngoài ra, ta đã sống lâu nay với bầy nai này, thật không hợp lý nếu ta ra đi mà không làm ích lợi cho đức vua và bầy nai nữa, hoặc không chứng tỏ sức mạnh của ta. Vậy khi nào đến phiên ta, ta sẽ làm lợi ích cho cả người lẫn vật rồi an vui trở về.

Để giải thích điều này, ngài ngâm hai vần kệ:

71-72. Ta đội ơn vua, ăn uống tràn trề,
Chưa đi được, chờ khi làm ích lợi.
Trước cung vua, ta sẽ giơ sườn đợi,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.

Vị Bà-la-môn nghe lời này liền bỏ đi.

Sau đó, vào ngày đến lượt nai chúa, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo vào vườn ngự uyển. Bồ-tát đứng sang một bên. Vua bảo:

– Ta sẽ bắn nai này.

Và vua lắp một mũi tên nhọn vào dây cung. Bồ-tát chẳng bỏ chạy như các con nai khác khi sợ chết, mà lòng đầy can đảm và lấy từ ái làm kim chỉ nam. Ngài đứng yên phô bày bộ xương sườn thật cường tráng.

Do động lực của từ tâm ấy, vua không thể thả mũi tên ra. Bồ-tát bảo:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không bắn? Xin hãy bắn đi!

– Này lộc vương, trẫm không thể bắn được.

– Tâu Đại vương, thế thì xin hãy xem các công đức của người giữ giới hạnh.

Sau đó, vua hoan hỷ với lời của Bồ-tát, liền thả cung xuống và bảo:

– Khúc gỗ vô tri giác này không biết đức độ của nai chúa, chứ trẫm là người có tri giác lẽ nào không hiểu? Hãy tha thứ cho trẫm, nay trẫm cho nai chúa được bình an.

– Tâu Đại vương, ngài cho ta được bình an, song còn cả đàn nai trong ngự viên này thì sao?

– Trẫm cũng sẽ cho chúng bình an nữa.

Như vậy, sau khi tạo được bình an cho tất cả bầy nai trong lâm viên, chim muông trên trời và bầy cá dưới nước, theo cách được miêu tả trong *Chuyện con nai Nigrodha*,[8] Bồ-tát làm vua an trú vào ngũ giới và bảo:

– Tâu Đại vương, tốt lành thay cho một đức vua cai trị quốc độ bằng cách từ bỏ mọi ác đạo, không xâm phạm thập vương pháp (mười đức tính của vị vua) và hành động chân chánh:

Bố thí, nhân từ, đức hạnh, công bình,
Thân ái, nhu mì, ôn hòa, nhẫn nhục,
Ăn năn, bi mẫn, là mười giới đức,
Ta thấy luôn vững chắc ở trong tâm,
Từ đó khởi sinh cả một từ ân,
Thật hoàn thiện và nội thân an lạc.

Cùng với những lời này, ngài nêu rõ mọi đức tính của một vị vua hiền qua hình thức một lời kệ. Sau vài ngày ở lại cùng nhà vua, ngài ra lệnh truyền một chiếc trống bằng vàng đi khắp kinh thành, công bố lời hứa bình an cho mọi loài. Sau đó, ngài bảo:

– Xin Đại vương hãy cẩn trọng phòng hộ!

Rồi ngài ra về thăm cha mẹ.

73-75. Xưa ta chính lộc vương trong xứ Oudh,
Tánh và danh là Hoan Hỷ, Nandiya,
Muốn giết ta trong ngự uyển, ngày kia,
Đức vua đến, tên nằm trên dây sẵn.
Ta phơi sườn trước tên vua đòi bắn,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.

Đây là những vần kệ phát sinh từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong hoàng gia, vị Bà-la-môn là Sāriputta, vua là Ānanda và Ta chính là lộc vương.

[8] Xem *J.* I. 144, *Nigrodhamigajātaka* (*Chuyện con nai Nigrodha*), số §12.

II. PHẨM SENAKA
(*SENAKAVAGGA*)[9]

§386. CHUYỆN CON LỪA (*Kharaputtajātaka*) (*J.* III. 275)

Bậc trí bảo dê quả thật ngu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về sự cám dỗ của người vợ cũ đối với một Tỷ-kheo.

Khi Tỷ-kheo ấy thú nhận rằng mình đang mơ tưởng đời thế tục, bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân này đang làm hại ông, ngày xưa ông cũng đã nhảy vào lửa vì kẻ ấy và đã được các trí nhân cứu mạng.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Senaka trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka, Vua Senaka kết thân với một vua rắn thần (*nāga*). Tương truyền, vị vua rắn này thường rời thế giới nāga đi quanh quẩn trên cõi đất kiếm mồi. Bọn trai làng thấy vậy bảo nhau:

– Đây là con rắn.

Rồi chúng lấy đất đá đập rắn. Nhân lúc vua đang du ngoạn trong ngự viên thấy chúng và nghe chúng đang đánh một con rắn, liền bảo:

– Đừng cho chúng đánh rắn, đuổi chúng đi.

Và lệnh này được thi hành ngay. Do đó, vua rắn được cứu mạng, khi trở về thế giới nāga, vị ấy lấy nhiều châu báu, rồi nửa đêm đi đến cung thất vua dâng các tặng vật và thưa:

– Tiểu thần được ngài cứu mạng.

Từ đó, vị ấy kết giao với vua nên cứ lui tới yết kiến ngài.

Vua rắn truyền lệnh cho một cung nữ nāga, vốn tham đắm dục lạc vô độ, đến hầu cận vua và bảo vệ ngài. Vua rắn còn cho ngài một câu thần chú và bảo:

– Hễ khi nào ngài không thấy nàng ấy, xin cứ đọc thần chú này.

---

[9] Bản Tích Lan viết *Senakavagga*. Bản CST viết *Kharaputtavagga*, nghĩa là *Phẩm Con lừa*.

Một hôm, vua vào ngự viên cùng với cung nữ nāga và vui đùa trên hồ sen. Cung nữ nāga nhìn thấy một con rắn nước, liền bỏ lốt người và tình tự với rắn nước. Vua không thấy cô gái, liền hỏi:

– Nàng đi đâu rồi?

Và vua đọc thần chú. Ngay lúc đó, vua thấy tà hạnh của nàng nên lấy gậy tre đánh nàng. Nàng tức giận bỏ về thế giới nāga, và khi được hỏi:

– Tại sao nàng trở về?

– Thân hữu của ngài đánh thiếp trên lưng vì thiếp không tuân lệnh.

Nàng đáp và chỉ vết thương. Vua rắn không biết sự thật, liền gọi bốn thanh niên nāga ra lệnh cho họ vào vương thất Vua Senaka và dùng hơi độc thoát ra từ lỗ mũi để giết vua tan như trấu. Họ vào cung thất đúng giờ đi ngủ. Khi họ vừa đến, vua nói với hoàng hậu:

– Này Ái hậu, nàng có thấy cô gái nāga đâu không?

– Tâu Đại vương, thiếp không thấy.

– Hôm nay, lúc chúng ta đang tắm trong hồ, nàng nāga ấy bỏ lốt người và ân ái với một con rắn nước. Ta bảo đừng làm vậy, rồi đánh cho nó một gậy tre để trừng trị nó; nay ta sợ nó đã có thể trở về thế giới nāga và nói dối trá với thân hữu ta, tiêu hủy luôn thiện chí của vị ấy đối với ta.

Các thanh niên nāga nghe vậy liền quay về thế giới nāga lập tức và tâu trình vua rắn. Vị ấy xúc động liền đến ngay vương thất kể lại mọi chuyện và được vua tha thứ. Sau đó, vị ấy nói:

– Xin cho tôi chuộc lỗi và đền bù bằng cách này.

Rồi trao cho vua một thần chú biết được mọi thứ âm thanh:

– Tâu Đại vương, đây là một thần chú vô giá, nếu ngài cho ai thần chú này, lập tức ngài sẽ nhảy vào lửa mà chết.

– Quý báu thay!

Vua đáp và nhận thần chú.

Từ đó, vua hiểu được mọi tiếng nói, thậm chí cả tiếng loài kiến. Một hôm, ngài ngự trên bảo tòa ăn các thứ bánh cứng với mật ong và mật mía. Rồi một giọt mật ong, một giọt mật mía và một miếng bánh rơi xuống đất. Một con kiến thấy vậy liền kêu lên:

– Bình mật ong của vua bị vỡ trên bảo tòa rồi, xe mật mía và xe bánh đổ rồi. Mau mau đến ăn mật ong, mật mía và bánh ngọt, các bạn.

Vua nghe tiếng kêu ấy bật cười lớn. Hoàng hậu ngồi gần nghĩ thầm: "Chúa thượng thấy gì khiến ngài cười to vậy?"

Khi vua đã ăn phần thực phẩm cứng ấy, đã tắm mát xong, lại ngồi xếp bằng, một con ruồi bảo vợ nó:

– Này nàng ơi, chúng ta hãy ân ái cùng nhau!

– Này phu quân, xin hãy thứ lỗi cho thiếp, một lát nữa, nô tỳ đem hương liệu đến dâng đức vua, trong khi ngài xoa thân thể, một vài bụi phấn sẽ rơi xuống chân, thiếp sẽ đậu ở đó cho thơm tho rồi chúng ta sẽ ân ái cùng nhau trên lưng ngài.

Vợ nó đáp. Vua nghe tiếng ruồi liền bật cười lần nữa. Hoàng hậu lại nghĩ: "Ngài đã trông thấy gì khiến ngài cười lớn vậy?"

Lần khác, khi vua đang dùng bữa tối, một cục cơm rớt xuống đất, bầy kiến kêu to:

– Một xe cơm đã đổ trong cung vua, thế mà chẳng có ai ăn hết.

Vua nghe vậy lại cười lớn, hoàng hậu cầm chiếc muỗng vàng dâng thức ăn cho vua, suy nghĩ: "Có phải vì thấy ta mà Chúa thượng cười ta chăng?" Bà về hậu cung với nhà vua và đến giờ ngủ, bà hỏi:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương cười lớn ban nãy?

– Nàng có liên hệ gì đến việc ta cười ư?

Song cứ nghe hỏi đi hỏi lại mãi, vua đành kể chuyện cho bà. Sau đó, bà bảo:

– Cho thiếp thần chú hiểu biết âm thanh đó đi.

– Không thể được.

Ngài đáp. Song dù bị từ chối nhiều lần, bà vẫn thúc giục vua. Vua đáp:

– Nếu ta cho nàng thần chú này, ta sẽ chết mất.

– Dù Đại vương có từ trần đi nữa, cũng cứ cho thiếp thần chú ấy đi mà.

Vua bị mãnh lực nữ nhân thôi thúc, đành chấp nhận bảo:

– Thôi được.

Rồi vua ngự lên vương xa đi vào ngự viên và nói:

– Ta sẽ nhảy vào lửa sau khi cho thần chú này.

Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi đất và thấy việc này, ngài bảo:

– Hôn quân si ám này biết mình sắp nhảy vào lửa do áp lực nữ nhân, hiện đang ra đi; vậy ta hãy cứu mạng vua ấy.

Vì thế, ngài đem theo Sujā, ái nữ của vua loài asura cùng xuống thành Ba-la-nại. Ngài biến thành dê đực, còn Sujā biến thành dê cái; rồi quyết định tránh cho dân chúng khỏi thấy hai vị, ngài đứng ngay trước vương xa. Vua và các con ngựa Sindh trông thấy ngài, ngoài ra không ai thấy được. Để khởi đầu câu chuyện, ngài làm như thể ngài đang tình tự với con dê cái. Một con ngựa Sindh kéo xe bảo:

– Này bạn dê, trước kia chúng ta từng nghe chứ chưa từng thấy rằng loài dê thật ngu xuẩn và vô liêm sỉ. Còn nay bạn đang làm việc ấy ngay trước mắt chúng ta, cái việc phải làm nơi kín đáo, riêng tư và không phải xấu hổ vì nó. Những gì chúng ta đã nghe trước kia thật phù hợp với điều chúng ta đang thấy.

Và vì thế, ngựa liền ngâm vần kệ đầu:

76. Bậc trí bảo dê quả thật ngu,
Những lời chân thật tự bao giờ,
Dê này không biết mình phô diễn,
Những việc phải làm kín đáo ư?

Dê nghe vậy, đáp lại hai vần kệ:

77. Này ông ngựa hỡi, nghĩ xem nào,
Rồi thấy là ông ngốc biết bao,
Ông bị buộc dây thừng trói chặt,
Hàm ông tréo, mắt chẳng nhìn cao.

78. Khi được thả ra chẳng chạy ngay,
Vì ông quen thói thật ngu thay,
Vua Senaka ấy ông chuyên chở,
Còn thật ngu hơn cả chú mày!

Vua nghe hiểu câu chuyện giữa hai con vật, liền bảo xe chạy thật nhanh. Con ngựa nghe dê nói chuyện liền ngâm vần kệ thứ tư:

79. Vậy này dê chúa, dám thưa ngài,
Tôi đại ngu, ngài hiểu quá rồi,
Còn chuyện Vua Senaka xuẩn ngốc,
Làm ơn giải thích rõ cho tôi.

Dê ngâm vần kệ thứ năm giải thích việc này:

80. Vua có một kho báu hiển linh,
Lại vì hoàng hậu ném cho nhanh,
Không khuyên hoàng hậu trung thành được,
Đành phải hy sinh tính mạng mình.

Vua nghe lời ấy, liền bảo:

– Này dê chúa, chắc chắn ngài sẽ làm ích lợi cho ta, vậy hãy cho ta biết phải làm gì bây giờ?

Dê đáp:

– Tâu Đại vương, đối với mọi loài hữu tình, không ai thân thiết hơn bản thân mình. Hủy hoại mình và hy sinh danh dự mình đã tạo được vì một vật thân thiết nào đó là điều không ích lợi gì cả.

Rồi dê lại ngâm vần kệ thứ sáu:

81. Như ngài ở địa vị vương quân,
Song phải bỏ ngay niềm ước vọng,
Nếu thân ngài phải chịu thương vong.
Đời người quả thật là quan trọng,
Còn kiếm gì cao hơn bản thân?

Nếu tính mạng duy trì trọn vẹn,
Thì không cần ước vọng cầu mong!

Bồ-tát khuyến giáo vua như vậy. Vua hoan hỷ hỏi:

– Này dê chúa, ngài từ đâu đến đây?

– Thưa Đại vương, ta là Thiên chủ Sakka, đến cứu ngài khỏi chết vì thương tưởng ngài đó.

– Tâu Thiên chủ, trẫm đã hứa cho hoàng hậu thần chú. Vậy nay trẫm phải làm gì?

– Không cần phải làm gì tổn hại đến hai vị. Chỉ cần ngài bảo: "Đây là cách được thần chú", rồi sai người đánh bà ấy vài roi; nhờ cách này, bà ấy sẽ không đòi nó nữa.

– Tốt lắm!

Vua đồng ý ngay. Sau khi khuyến cáo vua xong, Bồ-tát trở về cõi trời. Còn vua vào ngự viên, triệu hoàng hậu đến chầu và bảo:

– Này Hoàng hậu, nàng muốn có thần chú chăng?

– Tâu Chúa thượng, vâng.

– Vậy thì hãy theo thông lệ này.

– Thông lệ nào thế?

– Một trăm roi trên lưng nhưng không được kêu la.

Bà hoàng đồng ý vì quá ham mê thần chú. Vua bảo các nữ tỳ lấy roi đánh hai bên hông bà. Bà chỉ chịu được hai ba roi rồi kêu lớn:

– Thiếp không muốn thần chú nữa!

Vua bảo:

– Nàng đã có thể giết ta chỉ vì muốn có thần chú ấy.

Rồi vua tự tay đánh trầy da lưng hoàng hậu và đuổi đi. Từ đó về sau bà chẳng dám nói đến chuyện ấy nữa.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là vị Tỷ-kheo bất mãn, hoàng hậu là vợ cũ vị ấy, con ngựa là Sāriputta và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§387. CHUYỆN CÂY KIM (*Sūcijātaka*) (*J.* III. 281)

Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự thành tựu Tối

thắng trí. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.[10] Bậc Đạo sư bảo chúng Tăng:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai có trí tuệ và nhiều phương tiện thiện xảo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở quốc độ Kāsi trong nhà một thợ rèn và khi lớn lên ngài rất tinh thông nghề này. Cha mẹ ngài rất nghèo. Không xa làng này có một làng khác gồm một ngàn nhà. Người trưởng nghiệp đoàn của cả ngàn thợ rèn này là người được vua ân sủng, giàu tiền của và thế lực. Con gái vị này cực kỳ diễm lệ, chẳng khác nào một thiên nữ, đầy đủ mọi hảo tướng cát tường của một mệnh phụ phu nhân. Nhiều người từ các làng xung quanh đến nhờ rèn dao kiếm, rìu búa, lưỡi cày, gậy nhọn... đều trông thấy nàng.

Khi họ trở về làng, họ ca tụng sắc đẹp của nàng ở những nơi có đàn ông tụ tập và nhiều nơi khác. Chỉ mới nghe nói về nàng thôi, Bồ-tát đã cảm thấy say mê và nghĩ thầm: "Ta sẽ lấy nàng làm vợ." Vì thế, ngài lựa thứ sắt tốt nhất, làm một cây kim thật cứng và mạnh có thể đâm thủng con xúc xắc và nổi trên nước. Rồi ngài làm một cái bao bọc ngoài nó cùng thứ sắt ấy và cũng đâm thủng con xúc xắc với bao kim kia. Theo cách ấy, ngài làm bảy cái bao kim, phương pháp ngài làm chúng ra sao không được tiết lộ, vì việc ấy thành tựu nhờ trí tuệ hiểu biết vĩ đại của ngài. Sau đó, ngài đặt kim vào ống và để ống vào một cái hộp, ngài đi vào làng kia hỏi đường đến nhà trưởng phường thợ rèn. Rồi đứng tại cửa nhà ấy, ngài hỏi:

– Ai muốn mua cây kim loại đặc biệt này của tôi đổi lấy tiền chăng?

Và vừa đứng cạnh nhà ông trưởng phường thợ rèn, ngài ngâm vần kệ miêu tả cây kim:

82. Xâu nhanh, trơn láng, thẳng ngay,
Được bôi bóng nhoáng bột mài xanh xanh,
Đầu kim sắc nhọn thanh thanh,
Kim đây, ai muốn mua, mình trao tay?

Sau đó, ngài lại ca tụng cây kim lần nữa qua vần kệ thứ hai:

83. Xâu nhanh, vững mạnh, thẳng ngay,
Thân kim khéo luyện tròn đầy đẹp sao!
Sắt kia cũng sẽ xuyên vào,
Kim đây ai muốn mua nào ai ơi!

[10] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

Lúc ấy, cô gái đang quạt cho cha bằng chiếc quạt lá thốt nốt trong lúc ông nằm trên chõng tre để được thoải mái sau buổi điểm tâm. Khi nghe giọng ngọt ngào của Bồ-tát, nàng đã cảm thấy buồn nôn như thể nuốt một miếng thịt sống, và phải làm cho sự khó chịu ấy tan biến bằng cả ngàn ấm nước, nàng bảo:

– Người nào đây lại có thể rao bán kim với giọng ngọt ngào như thế trong một làng thợ rèn? Người ấy đến đây vì việc gì? Ta phải tìm xem sự việc ra sao.

Vì thế, nàng đặt cây quạt xuống và bước ra nói chuyện với ngài bên ngoài, đứng ở hành lang. Mục đích của chư Bồ-tát luôn đạt được thành tựu, chính vì nàng mà ngài đã đến ngôi làng này. Nàng bảo ngài:

– Này cậu, dân chúng trong nước đều đến làng này mua kim và các vật dụng tương tự. Còn cậu lại muốn bán kim trong làng thợ rèn thật là điên rồ! Dù cậu có ca tụng kim của cậu suốt ngày, cũng không ai mua hàng của cậu đâu. Nếu cậu muốn được giá thì qua làng khác.

Thế rồi, nàng ngâm hai vần kệ:

84. Móc câu ta đã bán rồi,
Làng trên xóm dưới ai người chẳng hay?
Thợ rèn ta ở thành này,
Còn ai bán được kim may nữa à?

85. Nghề rèn nổi tiếng chúng ta,
Việc làm khí cụ ai mà sánh ngang?
Thợ rèn ta ở trong làng,
Ai còn đem bán kim mang tới mình?

Bồ-tát nghe lời nàng, vội đáp:

– Thưa cô nương, cô nói vậy là do không hiểu biết gì cả đó.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

86. Thợ rèn ta ở trong thành,
Nhưng người tài bán kim mình mới hay!
Tổ sư nghề sẵn trong tay,
Món hàng đệ nhất mua ngay kẻo hoài!

87. Một khi nghiêm phụ biết rồi,
Cây kim này đã do tôi tự làm,
Tôn ông chắc chắn sẽ ban,
Gia tài sản nghiệp cùng nàng cho tôi!

Người trưởng phường rèn nghe toàn thể câu chuyện, liền gọi con gái vào hỏi:

– Con đang nói chuyện với ai đó?

– Thưa cha, một cậu trai bán kim.

– Thế cho gọi cậu ấy vào đây.

Nàng ra gọi ngài vào. Bồ-tát kính chào vị trưởng phường rèn xong, đứng sang một bên. Ông hỏi:

– Cậu ở làng nào?

– Thưa tôn ông, tôi ở làng nọ, là con trai gia đình thợ rèn kia.

– Tại sao cậu đến đây?

– Thưa, để bán kim.

– Nào, đưa ta thử xem kim của cậu.

Bồ-tát mong muốn công bố mọi đặc tính của ngài giữa nhiều người, liền nói:

– Một vật được nhiều người xem lại chẳng tốt hơn chỉ được một người xem hay sao.

– Này bạn, đúng lắm.

Vì thế, vị trưởng phường tập hợp tất cả thợ rèn lại và đứng giữa đám đông, ông bảo:

– Nào bạn, hãy lấy kim ra đây!

– Thưa tôn ông, xin hãy bảo lấy một cái đe và một cái đĩa bằng đồng đựng đầy nước ra đây!

Việc ấy được thực hiện ngay. Bồ-tát lấy cây kim ra khỏi hộp đưa cho đám kia xem. Ông trưởng phường rèn cầm lấy và hỏi:

– Đây là cái kim chăng?

– Không, đó không phải là cái kim mà là cái bao.

Ông trưởng phường quan sát kỹ cũng không thấy đầu đuôi gì cả. Bồ-tát lấy lại, dùng móng tay rút cái bao ra và chỉ cho mọi người:

– Đây là cây kim, đây là cái bao.

Ngài đặt cây kim trong tay ông trưởng phường và cái bao dưới chân. Ông trưởng phường lại bảo:

– Ta chắc đây là cây kim rồi.

Ngài đáp:

– Đây cũng chỉ là cái bao kim.

Rồi ngài lấy móng tay đánh bật nó ra và cứ thế ngài đặt sáu cái bao liên tiếp dưới chân vị trưởng phường và nói:

– Đây là cây kim.

Và đặt kim vào tay vị kia. Cả ngàn người thợ rèn búng ngón tay một cách thích thú và bắt đầu vẫy khăn tung hô. Sau đó, vị trưởng phường hỏi:

– Này bạn, thế cây kim này có sức mạnh thế nào?

– Thưa tôn ông, hãy bảo một người lực lưỡng nâng nghiêng cái đe này lên và đặt chậu nước dưới cái đe. Sau đó, đâm thẳng cây kim vào cái đe.

Ông bảo làm đúng như vậy và đâm đầu nhọn của kim vào cái đe. Cây kim xuyên thủng cái đe và nằm ngang mặt nước không nhếch lên hay lệch xuống tý nào dù chỉ bằng một sợi tóc. Mọi người thợ rèn đồng thanh bảo:

– Chúng ta chưa từng bao giờ nghe thậm chí qua lời đồn đại hiện có những người thợ rèn tài giỏi như thế này!

Như thế họ lại búng ngón tay và tung vẫy cả ngàn chiếc khăn. Ông trưởng phường gọi cô con gái vào và đứng giữa đám đông, ông bảo:

– Đây là cô gái xứng đôi với cậu.

Ông liền rót nước giao kết trên tay hai vị và trao nàng cho ngài đem đi. Về sau, khi vị trưởng phường qua đời, Bồ-tát trở thành trưởng phường rèn trong làng ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con gái người trưởng phường rèn là mẫu thân của Rāhula (La-hầu-la) và chàng thợ rèn thông minh chính là Ta.

§388. CHUYỆN CON HEO TUṆḌILA (*Tuṇḍilajātaka*) (*J.* III. 286)

Em lo chuyện lạ hôm nay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo sợ chết.

Vị ấy là một thiện gia nam tử ở thành Sāvatthi (Xá-vệ) và được thọ giới trong giáo pháp, song ông sợ chết và thậm chí nghe một bụi cây hơi lay động, tiếng cành khô rơi hay tiếng chim, tiếng thú, ông cũng hoảng kinh vì sợ chết rồi bỏ chạy, run rẩy toàn thân như con thỏ bị thương ở bụng. Tăng chúng trong pháp đường bắt đầu bàn luận, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo kia sợ chết, cứ run rẩy bỏ chạy khi nghe dù chỉ là một tiếng động nhỏ. Giờ đây, đối với mọi loài trên thế giới, chết là việc tất nhiên, đời sống không có gì vững bền cả, điều này lại chẳng nên sáng suốt ghi nhớ trong tâm trí hay sao?

Bậc Đạo sư bước vào thấy đây là đề tài của chư vị, và vị Tỷ-kheo kia công nhận mình hay sợ chết, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu vị ấy sợ chết đâu.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào một con heo rừng. Khi đến kỳ, heo mẹ sinh hai con heo đực. Một hôm, heo mẹ đem hai con vào nằm trong cái hố. Một bà già ở trong làng tại cổng thành Ba-la-nại đi về nhà với một thúng đầy bông vải hái ngoài đồng và gõ cây gậy xuống đất

kêu lốc cốc. Heo cái nghe tiếng động, sợ chết liền bỏ hai con chạy trốn. Bà già thấy hai heo con cảm thấy thương yêu như thể con đẻ của mình, liền bỏ chúng vào thúng và mang về nhà. Sau đó, bà đặt tên heo lớn là Mahātuṇḍila (Heo Lớn Mõm Dài) và heo nhỏ là Cullatuṇḍila (Heo Bé Mõm Dài), rồi nuôi nấng chúng như con đẻ.

Theo thời gian, chúng lớn dần và mập mạp. Khi bà già được ai hỏi bán heo để lấy tiền, bà đáp:

– Chúng là con tôi đấy.

Và bà không muốn bán.

Vào một ngày hội, có đám đàn ông thô tục đang uống rượu nồng; và khi thịt đã hết, họ tìm xem nơi nào có thể mua thịt. Khi thấy có heo trong nhà bà già, họ đem tiền tới nói:

– Mẹ ơi, lấy tiền này rồi cho chúng con một con heo đi.

– Thôi vừa rồi các chú, có ai lại muốn bán con mình cho người ăn thịt chăng?

Bà đáp rồi từ chối bọn họ.

– Mẹ ơi, heo làm sao thành con của người được? Xin mẹ cho chúng con đi nào.

Họ nói thế nhưng cũng không mua heo được, dù cứ hỏi đi hỏi lại mãi.

Sau đó, họ cho bà già uống rượu mạnh, đến khi bà đã say, họ nói:

– Này mẹ, mẹ định làm gì với đám heo này? Lấy tiền đi mà tiêu xài chứ.

Họ dúi số tiền vào tay bà già. Bà nhận tiền và bảo:

– Ta không thể cho các cậu con heo lớn, hãy bắt heo nhỏ đi!

– Nó đâu rồi?

– Nó nằm trong bụi cây kia.

– Gọi nó đi.

– Ta không có thức ăn để gọi nó.

Họ liền bảo đi mua một chảo cơm đem tới ngay. Bà già câm chảo cơm, đổ đầy vào máng cạnh cửa lớn và đứng đợi gần đó. Ba mươi người đứng gần đó với thòng lọng trong tay. Bà già gọi:

– Này đến đây, Cullatuṇḍila, đến đây!

Heo lớn nghe thế, thầm nghĩ: "Lâu nay mẹ chưa hề gọi heo bé như thế, bao giờ mẹ cũng gọi ta trước. Chắc chắn có gì nguy hiểm xảy ra cho chúng ta hôm nay." Heo lớn bảo em:

– Này em, mẹ đang gọi em, hãy ra tìm xem!

Heo bé đi ra, thấy đám người đang đứng cạnh máng ăn, liền nghĩ: "Hôm nay chắc ta chết mất." Thế rồi vì sợ chết, nó run rẩy quay lại với anh, và khi đã trở về chỗ cũ, nó cũng không kiềm chế được mình nên cứ quay cuồng run rẩy mãi. Heo lớn thấy vậy bảo:

– Này em, hôm nay em run rẩy quay cuồng nhìn chằm chằm về phía cổng. Tại sao em làm vậy?

Heo bé ngâm vần kệ đầu giải thích sự việc nó đã thấy:

88. Em lo chuyện lạ hôm nay,
Mẹ mình đứng cạnh máng đầy thức ăn,
Người cầm thòng lọng đứng gần,
Đến ăn chắc hẳn hại thân mình rồi.

Bồ-tát nghe thế bảo:

– Này em heo bé, mục đích mẹ ta nuôi heo bấy lâu nay đến giờ đã thành tựu, thôi đừng buồn khổ nữa.

Rồi với giọng ngọt ngào và vẻ bình thản của một vị Phật, ngài thuyết pháp qua đôi vần kệ:

89. Hãi kinh, cầu cứu, run hoài,
Không ai cứu giúp em đòi trốn đâu?
Ăn đi, heo bé chớ sầu,
Mẹ nuôi ta béo vì cầu thịt heo!

90. Nhào vô ao nước trong veo,
Mồ hôi cấu uế thật nhiều, rửa đi!
Rồi em sẽ thấy diệu kỳ,
Dầu thơm mát dịu không hề biến suy.

Trong khi ngài xem xét thập hạnh viên mãn (Ba-la-mật), ngài đặt từ hạnh viên mãn ra trước mặt làm kim chỉ nam và ngâm hai vần kệ đầu, giọng ngài lan xa tận Ba-la-nại khắp cả mười hai dặm. Ngay lúc nghe giọng ấy, toàn dân Ba-la-nại từ quốc vương, phó vương trở xuống đều đi đến đây, cùng những ai không đến đều đứng nghe trong nhà họ.

Quân sĩ nhà vua chặt hết bụi cây, san bằng mặt đất và rải cát lên. Đám người thô tục đã tỉnh cơn say rượu, liền quăng bỏ thòng lọng và đứng nghe pháp; bà già nọ cũng tỉnh rượu luôn. Bồ-tát bắt đầu thuyết pháp cho heo bé giữa đám quần chúng. Heo bé nghe ngài, nghĩ thầm: "Anh ta bảo như vậy với ta, nhưng chúng ta chưa bao giờ có thói quen nhảy vào ao nước, rồi nhờ cách tắm rửa mồ hôi cho sạch thân thể và sau khi tẩy cấu uế cũ, liền tẩm dầu thơm mới vào. Tại sao anh ta lại bảo vậy với ta?" Do đó, heo bé ngâm vần kệ thứ tư:

91. Gì là ao nước pha lê,
Mồ hôi cấu uế nói về điều chi?
Dầu thoa kỳ diệu là gì,
Mùi hương ngào ngạt chẳng khi nào tàn?

Bồ-tát nghe vậy liền bảo:

– Hãy lắng tai nghe đây!

Và ngài ngâm các vần kệ thuyết pháp với dáng an tịnh của một bậc giác ngộ:

92. Pháp là ao nước trong ngần,
Mồ hôi cấu uế lỗi lầm mê si,
Dầu thơm đức hạnh tẩm đi,
Mùi hương mãi mãi chẳng hề tàn phai.

93. Người không sinh mạng là vui,
Người còn sinh mạng bời bời lo toan.
Con người phải chết, chớ buồn,
Hãy vui như hội trăng tròn quanh năm.

Như vậy, Bồ-tát thuyết pháp bằng giọng ngọt ngào với vẻ kỳ diệu của một vị Phật. Đám đông hàng ngàn người búng ngón tay, vẫy khăn tung hô và bầu không khí vang dậy tiếng reo:

– Tốt lành thay, tốt lành thay!

Vua xứ Ba-la-nại tôn kính mời Bồ-tát lên vương tòa, và làm cho bà già vinh hiển bằng cách truyền tắm hai chú heo với nước tẩm hương, mặc lễ phục, trang điểm vàng ngọc trên cổ và ban cho địa vị các vương tử trong kinh thành. Vì thế, vua bảo vệ hai chú heo với một đoàn quân hộ tống đông đảo.

Bồ-tát dạy ngũ giới cho vua và tất cả dân chúng ở Ba-la-nại cùng dân chúng Kāsi đều giữ ngũ giới. Bồ-tát thuyết pháp cho dân chúng vào các ngày trai giới (mùng tám và rằm) và ngồi xử án. Trong thời gian còn tại thế, không có người nào chịu bản án bất công cả. Sau đó vua băng hà, Bồ-tát cử hành tang lễ cho vua, rồi ngài truyền viết một sách ghi đủ các phán quyết và bảo:

– Các vị phải theo sách này để xử án!

Sau khi thuyết pháp cho quần chúng với nhiệt tâm, ngài cùng chú heo bé đi vào rừng trong lúc quần chúng than khóc kêu gào. Lời thuyết giảng của Bồ-tát lưu truyền suốt sáu mươi ngàn năm sau.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo sợ chết đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda, Cullatuṇḍila là Tỷ-kheo sợ chết, quần chúng là Giáo hội của Như Lai và Ta chính là Mahātuṇḍila.

§389. CHUYỆN CON CUA VÀNG (*Suvaṇṇakakkaṭakajātaka*) (*J.* III. 293)

Một chú càng vàng với mắt lồi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này lúc trú tại Trúc Lâm về việc Trưởng lão Ānanda hy sinh tính mạng vì Ngài.

Câu chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện Tế sư Khaṇḍahāla*[11] về việc thuê đám xạ thủ và trong *Chuyện tiểu thiên nga*[12] về tiếng rống của con voi Dhanapāla (Tài Hộ). Khi Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong pháp đường:

– Này các Tôn giả, có phải Trưởng lão Ānanda, vị Thủ kho Chánh pháp, đã đắc trí tuệ của một vị Hữu học, hy sinh tính mạng vì đức Phật tối thắng khi con voi Dhanapāla xông đến?

Bậc Đạo sư bước vào và được kể lại đề tài thảo luận, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Ānanda cũng đã từng hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có một làng Bà-la-môn tên là Sālindiya ở phía Đông thành Rājagaha (Vương Xá). Bồ-tát được sinh ở ngôi làng ấy trong một gia đình Bà-la-môn làm ruộng. Khi lớn lên ngài lập nghiệp và canh tác trang trại khoảng một ngàn karīsa (khoảng tám ngàn mẫu) trong một huyện ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) về phía Đông Bắc làng ấy.

Ngày kia, ngài cùng gia nhân ra đồng, bảo họ cày cấy xong, ngài đi đến một ao lớn cuối cánh đồng để rửa mặt. Trong ao ấy có một con cua màu vàng óng ả, xinh đẹp, khả ái. Bồ-tát bước xuống ao sau khi xỉa răng. Khi ngài rửa miệng, con cua đến gần, ngài liền nhấc con cua lên và đặt nó nằm trong áo khoác ngoài. Sau khi làm việc đồng áng xong, ngài đặt con cua xuống ao như cũ và đi về nhà. Từ đó, hễ mỗi lần ra đồng, ngài thường đến ao ấy trước tiên, đặt cua lên áo ngoài rồi ra đi làm việc. Vì thế, một tình cảm tin cậy thắm thiết nảy sinh giữa người và vật. Ngày ngày Bồ-tát vẫn đi làm ruộng đều đặn.

Bấy giờ, mắt ngài có năm vẻ đẹp và ba vòng tròn trong vắt. Một con quạ cái trên cây thốt nốt ở góc cánh đồng trông thấy mắt ngài, muốn ăn chúng, bèn bảo quạ đực:

– Này chàng, em có một điều ước.

– Nàng ước chuyện gì?

– Em ước được ăn đôi mắt của một vị Bà-la-môn.

– Điều ước của nàng thật chẳng hay ho tí nào. Ai có thể lấy đôi mắt ấy cho nàng chứ?

– Em biết chàng không thể lấy được; song ở gò mối gần cây này có một con rắn hổ đen, chàng hãy đến hầu hạ nó, rồi nó sẽ cắn vị Bà-la-môn để giết ông ấy; sau đó chàng mổ mắt ông ấy ra và mang về cho em.

Quạ đực đồng ý, sau đó nó đến hầu hạ con rắn hổ. Con cua cũng to lớn dần vào thời hạt giống do Bồ-tát gieo đã nẩy mầm.

---

[11] Bản Tích Lan viết *Khaṇḍahālajātaka*, số 542. Bản CST viết *Candakumārajātaka*, số 544.

[12] Xem *J.* V. 333, *Cullahaṁsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

Một hôm, con rắn bảo quạ:

– Này bạn, bạn luôn phục vụ tôi, vậy tôi có thể làm gì cho bạn?

– Thưa tôn ông, nữ tỳ của ngài đã mang niềm ao ước có được đôi mắt của vị chủ đám ruộng này. Tôi đến hầu hạ ngài chỉ cốt hy vọng nhờ ngài ban ân lấy cho được đôi mắt ấy.

Rắn bảo:

– Được lắm, việc ấy không khó, bạn sẽ được đôi mắt kia.

Con rắn còn khích lệ con quạ như thế. Hôm sau, con rắn nằm đợi vị Bà-la-môn đến, nó ẩn mình dưới đám cỏ, cạnh bờ ruộng ngài sắp bước tới. Bồ-tát xuống ao rửa miệng, cảm thấy mối thân ái với con cua, nên ôm lấy nó đặt vào áo ngoài ra đồng.

Con rắn thấy ngài đến liền lao tới cắn vào bắp vế của ngài khiến ngài ngã xuống ngay tại chỗ, rồi nó trốn trong gò mối. Sự kiện Bồ-tát ngã xuống đó, con cua vàng nhảy ra khỏi áo và con quạ sà xuống đậu trên ngực Bồ-tát diễn ra liên tiếp nhau.

Con quạ vừa đậu xong, liền lấy mỏ chụp đôi mắt Bồ-tát. Con cua suy nghĩ: "Chính vì con quạ này mà hiểm họa đã xảy đến với vị thân hữu của ta. Nếu ta kẹp lấy nó thì con rắn sẽ bò tới." Vì vậy, con cua kẹp ngay cổ quạ với chiếc càng xiết chặt như thể gọng kềm, khiến nó mệt phải nới lỏng ra đôi chút. Con quạ cầu cứu con rắn:

– Này bạn, tại sao bỏ rơi tôi mà chạy trốn? Con cua này phá hại tôi. Hãy đến ngay trước khi tôi chết mất!

Rồi quạ ngâm vần kệ đầu:

94. Một chú càng vàng với mắt lồi,
Ở hồ, trần trụi, bọc xương mai,
Chụp tôi, nghe tiếng tôi kêu thét,
Sao bỏ bạn thân quý mến ngài?

Con rắn nghe tiếng, giương mào rộng bò đến an ủi con quạ.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ hai phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài, giải thích sự việc này:

95. Con rắn bỗng nhào lên chú cua,
Nó không muốn bỏ bạn bây giờ,
Rắn giương mào rộng vừa lao đến,
Cua tấn công ngay chú rắn bò.

***

Con cua mệt mỏi nới lỏng quạ ra đôi chút, con rắn suy nghĩ: "Loài cua chẳng hề ăn thịt quạ hay rắn, vậy vì lý do gì con cua này chụp chúng ta?" Rồi nó ngâm vần kệ hỏi cua:

96. Chẳng phải vì lo kiếm miếng mồi,
Mà cua bắt rắn, quạ trên trời,
Mắt lồi hãy nói cho tôi biết,
Sao chú lại kềm kẹp chúng tôi?

Nghe vậy, cua ngâm hai vần kệ giải thích lý do:

97. Ngài đem ta tự dưới ao kia,
Bày tỏ ân cần, quý mến ta,
Nếu chết, thời ta đây khổ não,
Ngài và ta, chỉ một thôi mà.

98. Thấy ta nay đã lớn lên dần,
Ai nấy đều mong giết hưởng phần,
Cua mập ngọt ngon đầy mỹ vị,
Nhìn ta, quạ muốn xé tan thân.

Nghe vậy rắn suy nghĩ: "Ta phải dùng mưu kế lừa nó, rồi ta và quạ thoát thân." Vì thế, nó ngâm vần kệ thứ sáu để lừa cua:

99. Nếu cua kẹp rắn, quạ vì ngài,
Ta sẽ rút chất độc ấy thôi,
Ngài tỉnh dậy, mau tha rắn, quạ,
Thấm sâu chất độc, ắt tàn đời.

Nghe vậy, cua suy nghĩ: "Con rắn này muốn làm cho ta thả cả hai ra bằng mưu kế lừa bịp rồi bỏ chạy, nó không biết tài năng khôn khéo của ta. Nay ta muốn nới càng đôi chút để con rắn có thể nhúc nhích nhưng ta không thả con quạ đây." Rồi nó ngâm vần kệ thứ bảy:

100. Ta thả rắn, không thả quạ đây,
Con tin là quạ buộc nơi này,
Ta không thả nó đi nơi khác,
Cho đến khi an ổn với ngài.

Nói xong, cua nới lỏng càng để cho rắn bò đi tự do. Con rắn thu hồi nọc độc và thân thể Bồ-tát thoát khỏi nọc rắn. Ngài đứng dậy vững vàng trong sắc thái tự nhiên.

Con cua suy nghĩ: "Nếu hai con vật này bình an, chắc chắn bạn thân của ta không được thịnh vượng. Ta muốn giết cả bọn chúng", rồi lấy càng chà nát đầu chúng cho chết đi. Con quạ mái liền bay đi trốn mất khỏi chỗ ấy. Bồ-tát lấy gậy đâm qua mình rắn ném vào bụi, để cua vàng bò xuống ao nước rồi tắm rửa và trở về Sālindiya. Từ đấy, tình thân hữu càng thắm thiết hơn giữa ngài và con cua ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân qua những vần kệ cuối cùng:

101. Con rắn hổ là chính Ác ma,
Đề-bà-đạt ấy quạ đen kia,
A-nan thiện hạnh là cua nọ,
Điền chủ La-môn ấy chính Ta.

Khi các sự thật kết thúc, nhiều vị đắc Sơ quả (Dự lưu) và các đạo quả khác. Con quạ cái chính là Ciñcamānavikā, mặc dù điều này không được nhắc đến trong vần kệ cuối cùng.

§390. CHUYỆN CHIM MAYHAKA (*Mayhakajātaka*) (*J.* III. 299)

Có con chim được gọi Mayha...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một thương nhân lạ thường.

Tại thành Xá-vệ, có một thương nhân lạ thường, giàu tiền của và đầy thế lực. Song ông không thọ hưởng giàu sang cũng không cho ai cả. Nếu các món cao lương mỹ vị được dọn lên, ông cũng không muốn dùng mà chỉ ăn cháo cám với tương chua. Nếu y phục lụa tơ tằm hương chiên-đàn được mang đến, ông bảo đem cất đi và chỉ mặc loại áo quần vải thô bằng lông để lọc đường. Nếu xe ngựa được trang hoàng ngọc vàng do giống ngựa thuần chủng kéo đến mời, ông bảo đem cất đi và chỉ đi chiếc xe cũ kỹ ọp ẹp với chiếc dù lá cây che đầu. Suốt đời ông không làm bố thí hay công đức gì cả nên khi chết bị tái sanh vào ngục Roruva. Gia sản của ông không người thừa kế, quan quân nhà vua liền chở vào cung suốt bảy ngày đêm. Khi của cải ấy được chở vào, vua đi đến Kỳ Viên sau buổi điểm tâm và kính bái bậc Đạo sư. Khi được hỏi tại sao không đến yết kiến đức Phật đều đặn, vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, một thương nhân thật lạ thường vừa qua đời ở Xá-vệ. Suốt bảy ngày liền tài sản vị ấy được chở vào hoàng cung vì không người thừa kế. Tuy tài sản nhiều như vậy, trước kia ông không hề hưởng thụ phú quý cũng không đem cho ai cả. Tài sản ấy như thể một hồ sen được ác quỷ canh giữ. Một hôm, ông lăn đùng ra chết sau khi đã từ chối hưởng thụ cao lương mỹ vị suốt đời. Tại sao một người ích kỷ và đáng chê trách như vậy lại tạo được nhiều tài sản thế kia và duyên cớ gì ông không hề nghĩ đến việc thụ hưởng phú quý?

Đấy là câu hỏi mà vua nêu lên với bậc Đạo sư.

– Thưa Đại vương, lý do tại sao vị ấy tạo được tài sản, tuy thế lại không hưởng thụ nó, chính là đây!

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một thương nhân ích kỷ, không mộ đạo ở kinh thành. Ông không hề bố thí hay cung cấp vật gì cho ai. Một hôm, đang đi chầu vua, ông thấy một vị Độc Giác Phật (Pacceka Buddha) tên là Tagarasikhi đang khất thực, liền đảnh lễ và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Ngài đã khất thực chưa?

– Này thương nhân, Ta chưa khất thực.

Vị Độc Giác Phật đáp. Vị thương nhân ra lệnh cho người nhà:

– Này, đưa Ngài về nhà ta, mời lên sàng tọa của ta và dâng một chén cơm đầy thức ăn dành cho ta.

Kẻ gia nhân đem Ngài về nhà, mời ngồi xong, trình báo bà vợ thương nhân. Bà ấy dâng Ngài một chén cơm đầy cao lương mỹ vị. Ngài cầm thức ăn rời khỏi nhà kia và ra đi. Vị thương nhân từ triều đình trở về nhà, gặp Ngài lại vái chào và hỏi thăm Ngài đã nhận được thực phẩm chưa.

– Này thương nhân, Ta đã nhận rồi.

Vị thương nhân nhìn vào bát và không thể nào đồng ý việc ấy, lại suy nghĩ: "Giá như gia nô của ta ăn bát cơm này, chúng sẽ làm cho ta biết bao nhiêu việc nặng nhọc. Ôi, đấy thật là thiệt thòi cho ta!" Và ông không thể nào làm cho tư tưởng sau khi bố thí được hoan hỷ trọn vẹn. Vậy bố thí cúng dường chỉ sinh kết quả phong phú với kẻ nào biết làm cho tư tưởng sau khi bố thí được hoan hỷ trọn vẹn.

Nếu hoan hỷ khi mong cầu bố thí,
Thì hãy đem bố thí, dạ an vui,
Đừng tiếc chi khi ta sống ở đời,
Đàn con cháu chẳng bao giờ vong mạng.
Trước khi cho, niềm vui đầy tâm trạng,
Từ đó về sau tư tưởng hân hoan,
Bố thí kia đem phước đức vẹn toàn.

Như vậy, thương nhân kỳ dị này được nhiều tài sản do đã cúng dường Độc Giác Phật Tagarasikhi, song lại không thể hưởng thụ phú quý vì đã không làm cho tư tưởng được thanh tịnh sau khi bố thí.

– Bạch Thế Tôn, tại sao vị ấy không có con cái?

Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, đây là duyên cớ vị ấy không có con.

Và theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình thương nhân giàu có đến tám trăm triệu đồng tiền. Khi trưởng thành, cha mẹ qua đời, ngài cung cấp tài sản cho em ngài và điều hành việc nhà. Ngài

lập một bố thí đường tại cổng nhà và làm gia chủ chuyên tâm bố thí. Khi con ngài biết đi chập chững, ngài nhận thấy nỗi khổ của tham dục và phước đức của đời sống xuất gia, liền giao hết tài sản cùng vợ con cho người em trai, khuyến khích em tiếp tục bố thí tinh cần. Rồi ngài trở thành vị khổ hạnh, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, và sống ở vùng Tuyết sơn.

Em trai ngài nhận nuôi đứa cháu duy nhất ấy, song thấy nó lớn khôn, ông nghĩ: "Nếu con của anh ta sống, tài sản sẽ bị chia hai, ta muốn giết con anh ta." Vì thế một hôm, ông dìm cháu xuống sông cho chết. Sau khi tắm xong về nhà, chị dâu hỏi:

– Con trai tôi đâu?

– Nó chơi đùa dưới sông. Tôi tìm mãi nhưng không thể thấy nó đâu cả.

Bà chị chỉ khóc nhưng không nói gì cả. Bồ-tát biết việc này liền suy nghĩ: "Ta sẽ công bố chuyện này." Rồi du hành qua không gian, hạ xuống thành Ba-la-nại trong thượng y và hạ y chỉnh tề, ngài đứng ngay tại cửa, không thấy bố thí đường, ngài suy nghĩ: "Kẻ độc ác kia đã phá hủy bố thí đường."

Người em nghe tin ngài về, bước ra đảnh lễ Bồ-tát và mời ngài lên thượng lầu đãi tiệc thịnh soạn. Khi cơm nước xong, ngồi nói chuyện thân mật, ngài hỏi:

– Con trai ta không đến, nó đâu rồi?

– Thưa Tôn giả, nó chết rồi.

– Bằng cách nào?

– Tại một bến tắm, nhưng tiểu đệ không biết rõ cách nào.

– Không biết à? Này kẻ độc ác kia, hành động của chú đã được ta biết rõ. Chú đã không giết nó bằng cách ấy hay sao? Thế chú có đủ sức gìn giữ gia sản khi bị vua chúa, đạo tặc hay nhiều người khác đến phá hại chăng? Thế có gì khác nhau giữa chú và con chim Mayhaka đâu?

Như vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ này thuyết pháp với vẻ an tịnh của một vị Phật:

102. Có con chim được gọi Mayha,
Nó sống trong hang dưới núi xa,
Trái chín trên cây sung cổ thụ,
"Của ta, ta nữa", nó kêu la.

103. Bầy chim kia lúc nó kêu vang,
Tụ tập chung quanh cả một đàn,
Ăn trái thỏa lòng tuy thấy thế,
Mayha vẫn cất tiếng kêu than.

104. Cũng vậy người kia lắm bạc vàng,
Nhưng không chia sẻ giữa thân bằng,
Cũng không thọ hưởng lần nào cả,
Y phục và luôn các thức ăn.

105. Hương liệu cùng vòng hoa rực rỡ,
Cũng không ân huệ với thân nhân,
"Của ta, ta mãi", kêu rền rĩ,
Nó giữ kho tàng thỏa dạ tham.

106. Vua chúa cường gian, các đứa con,
Chỉ mong sao nó sớm từ trần,
Cướp tài sản nó, trong khi ấy,
Kẻ bủn xỉn kêu khóc tiếc than.

107. Người có trí khôn được bạc vàng,
Thường đem giúp đỡ các thân bằng,
Do vầy danh vọng trên trần thế,
Thiên giới đời sau được phước phần.

Như thế, bậc Đại sĩ thuyết pháp khiến cho người em tiếp tục thực hành việc bố thí, rồi ngài trở về Tuyết sơn tu tập thiền định không ngừng và đời sau sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, thưa Đại vương, thương nhân kỳ dị kia không có con trai, con gái gì cả vì người ấy đã giết con của anh mình.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Người em là thương nhân kỳ dị và người anh chính là Ta.

§391. CHUYỆN VỊ TÀ THUẬT SƯ (*Dhajavihethajātaka*)[13] (*J.* III. 304)

Dung mạo thanh cao, lại cúi đầu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Ngài xuất gia vì lợi lạc của quần sinh. Câu chuyện sẽ được nói đến trong *Chuyện đại hắc thiên cẩu*.[14] Lúc ấy, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai xuất gia vì ích lợi cho cả cõi đời.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka. Thời ấy, có một tà thuật sư dùng thần lực nửa đêm xâm phạm

---

[13] Bản Tích Lan (*TTPV*) viết *Dhajavihethajātaka*, nghĩa là *Bổn sanh Phá hủy biểu tượng*. Bản CST viết *Vijjādharajātaka*, nghĩa là *Chuyện vị tà thuật sư*. Bản Thái Lan viết *Pabbajitavihethakajātaka*, nghĩa là *Chuyện đàn áp người xuất gia*.

[14] Xem *J.* IV. 180, *Mahākaṇhajātaka* (*Chuyện đại hắc thiên cẩu*), số §469.

tiết hạnh của chánh cung hoàng hậu ở Ba-la-nại. Các cung nữ của bà đều biết chuyện này. Chính hoàng hậu đến yết kiến vua và trình:

– Tâu Chúa thượng, có kẻ lạ mặt đột nhập cung thất và xúc phạm thần thiếp.

– Thế Hoàng hậu có thể làm một dấu hiệu nào đó lên kẻ ấy chăng?

– Tâu vâng, thiếp có thể.

Do đó, bà bảo lấy chén son đỏ thắm, khi kẻ ấy đến nửa đêm và ra đi sau cuộc truy hoan, bà hoàng liền in năm dấu ngón tay bà vào lưng y và sáng hôm sau trình vua. Ngài ra lệnh đám vệ sĩ đi tìm khắp nơi mang về kẻ nào có dấu son đỏ trên lưng.

Bấy giờ, sau khi phạm tà hạnh ban đêm, tà thuật sư đứng giữa ban ngày ở nghĩa địa thờ phụng mặt trời, quân nhà vua thấy được, bao vây y, song y tưởng rằng hành động của y đã bị mọi người phát giác, liền dùng tà thuật bay lên không. Vua hỏi đám vệ sĩ sau khi chứng kiến việc ấy trở về:

– Các ngươi thấy y chăng?

– Tâu Chúa thượng, chúng thần có thấy.

– Y là ai?

– Tâu Chúa thượng, một đạo sĩ.

Sau khi phạm tà hạnh ban đêm, y giả dạng làm đạo sĩ ban ngày. Vua nghĩ thầm: "Những kẻ này ban ngày đi quanh quẩn trong chiếc y khổ hạnh, còn ban đêm lại phạm tà dục." Do đó, vua đâm ra phẫn nộ với các đạo sĩ và chấp thủ tà kiến liền truyền công bố khắp kinh thành bằng trống lệnh rằng mọi đạo sĩ đều phải rời vương quốc và sẽ bị quân sĩ trừng phạt nếu bị bắt gặp bất kỳ ở đâu.

Mọi đạo sĩ khổ hạnh đều chạy trốn khỏi vương quốc Kāsi rộng ba trăm do-tuần và đến trú ở các kinh thành khác. Do đó, không có Sa-môn hay Bà-la-môn chân chánh nào thuyết pháp cho dân chúng Kāsi. Và vì không nghe được Chánh pháp, họ trở nên tàn bạo, ghét bỏ bố thí và trì giới, phần lớn phải tái sanh vào đọa xứ lúc mạng chung và không được sanh thiên.

Thiên chủ Sakka không thấy một vị thiên tử mới nào xuất hiện, liền xem xét lý do gì và thấy chính vì việc tống xuất các Sa-môn, Bà-la-môn ra khỏi vương quốc do vua xứ Ba-la-nại chấp thủ tà kiến trong lúc phẫn nộ vị tà sư. Sau đó, ngài suy nghĩ: "Trừ ta không ai có thể phá hủy tà kiến này của vua. Ta muốn cứu giúp vua và thần dân của nước này."

Vì vậy, ngài đến gặp các Độc Giác Phật tại động Nandamūla và bảo:

– Này các Tôn giả, hãy cho ta một vị Độc Giác Phật Trưởng lão, ta muốn đi cảm hóa quốc độ Kāsi vào đạo!

Ngài mời một vị Trưởng lão trong các vị ấy ra đi. Khi ngài đã cầm y bát của vị ấy, Thiên chủ Sakka mời vị ấy đi trước, ngài theo sau với dáng điệu cung kính đảnh lễ vị Độc Giác Phật. Ngài biến mình thành một Sa-môn trẻ tuổi, tươi

đẹp đi ba vòng quanh thành phố từ đầu đến cuối, rồi đến trước cổng hoàng cung, ngài đứng trên không trung. Quân canh đến trình với vua:

– Tâu Hoàng thượng, có một Sa-môn trẻ đầy hảo tướng cùng với một Sa-môn đang đứng trên không trung tại hoàng môn.

Vua từ bảo tòa đi ra và đứng ở lầu thượng hỏi:

– Này đạo sĩ trẻ, tại sao ông tuấn tú như vậy lại cung kính cầm y bát cho một Sa-môn dị tướng thế kia?

Rồi vua ngâm vần kệ đầu nói chuyện với ngài:

108. Dung mạo thanh cao, lại cúi đầu,
Sau người dị tướng, bước theo hầu,
Người này hơn, kém hay bình đẳng,
Xin nói tánh danh, trẫm thỉnh cầu.

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, các Sa-môn ở địa vị của bậc Đạo sư,[15] vậy nếu ta nêu danh tánh ngài thì thất lễ, nhưng ta sẽ nói cho Đại vương biết tên ta.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

109. Chư thiên không nói họ cùng tên,
Của thiện nhân toàn hảo, Thánh hiền,
Riêng chỉ phần ta nêu tước hiệu,
Thiên chủ Sakka của chư thiên.

Vua nghe vậy, liền ngâm vần kệ thứ ba hỏi phước đức gì trong sự tôn sùng Đạo sư:

110. Người kính yêu Hiền thánh vẹn toàn,
Sau ngài, tiến bước dáng nghiêm trang,
Phần gì thừa hưởng, này Thiên chủ,
Phước đức đời sau sẽ phát ban?

Thiên chủ đáp lại vần kệ thứ tư:

111. Người kính yêu Hiền thánh vẹn toàn,
Sau ngài, cất bước dáng nghiêm trang,
Tiếng khen trần thế nay thừa hưởng,
Thiên giới đời sau lúc mạng chung.

Vua nghe lời Thiên chủ liền dứt bỏ mọi tà kiến và hoan hỷ ngâm vần kệ thứ năm:

112. Mặt trời số phận chiếu hôm nay,
Mắt trẫm nhìn Thiên chủ hiển bày,
Bậc Thánh xuất trần, này Đế-thích,
Trẫm làm thiện sự kể từ rày.

---

[15] Xem *Mv*. I. 92.

Thiên chủ Sakka nghe vua tán thán vị Đạo sĩ của ngài, liền ngâm vần kệ thứ sáu:

113. Chân chánh thay sùng bái Thánh nhân,
Tâm tư hướng đến trí cao thâm,
Giờ đây long nhãn đã chiêm ngưỡng,
Thiên chủ Sakka với Thánh nhân,
Mong ước từ nay nhiều phước nghiệp,
Sẽ là phận sự của Minh quân.

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ cuối cùng:

114. Tư tưởng mang đầy đủ phước ân,
Từ nay lòng dạ trẫm ly sân,
Lắng tai nghe ngoại nhân cầu thỉnh,
Trẫm nhận lời khuyên nhủ chánh chân,
Trẫm sẽ diệt tan lòng ngã mạn,
Phụng thờ Thiên chủ, dạ tôn sùng.

Sau khi nói xong, vua từ thượng lầu bước xuống, đảnh lễ vị Độc Giác Phật và đứng một bên. Vị Độc Giác Phật ngồi bắt tréo chân trên không và nói:

– Thưa Đại vương, tà thuật sư không phải là đạo sĩ. Từ rày phải nhận thức người đời không phải toàn giả dối, còn có các Sa-môn, Bà-la-môn chân thiện. Do vậy, hãy bố thí, tuân thủ giới luật và hành trì các ngày trai giới (Bố-tát)!

Ngài thuyết pháp cho vua như vậy, còn Thiên chủ Sakka cũng dùng thần lực đứng trên không thuyết pháp cho quần chúng:

– Từ nay về sau, hãy nhiệt tâm tinh cần!

Ngài truyền ban hồi trống ra lệnh khắp kinh thành cho các Sa-môn và Bà-la-môn đã đi trốn phải hồi hương. Sau đó, cả hai vị trở về cõi của mình. Còn vua tuân thủ lời khuyến giáo và thực hành các phước nghiệp.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, vua là Ānanda và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§392. CHUYỆN CỦ SEN VÀ HOA SEN (*Bhisapupphajātaka*)[16] (*J.* III. 307)

Ngài không được phép ngửi hương hoa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo.

[16] Tham chiếu: *S.* I. 204, *Gandhatthenasutta*; *Thag.* v. 645, 981; *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1338. 0369a09); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.358. 0490c09).

Chuyện kể rằng, vị Tỷ-kheo ấy đã rời Kỳ Viên và trú tại quốc độ Kosala, gần một khu rừng. Một hôm, ông xuống hồ sen, khi thấy một hoa sen, ông đứng tránh gió và ngửi mùi hương sen. Vị nữ thần ở trong khu rừng ấy đe dọa ông:

– Này Tôn giả, ngài ngửi trộm hương, đây là một hình thức trộm cắp!

Ông hoảng sợ trở về Kỳ Viên, đến vái chào bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên.

– Này Tỷ-kheo, lâu nay ông ở đâu?

– Bạch Thế Tôn, ở trong rừng nọ và vị nữ thần đe dọa con như vậy.

Bậc Đạo sư bảo:

– Ông không phải là người đầu tiên bị nữ thần đe dọa khi ngửi hương hoa. Các bậc trí ngày xưa cũng đã từng bị đe dọa như vậy.

Và theo lời thỉnh cầu của vị Tỷ-kheo, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở Kāsi. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā và sau đó trở thành nhà khổ hạnh sống gần một ao sen. Một hôm, ngài bước xuống ao và đứng ngửi một đóa hoa đang nở, một nữ thần ở trong hốc cây gần đó ngâm vần kệ đầu đe dọa ngài:

115. Ngài không được phép ngửi hương hoa,
Dù chỉ một hoa mới nở ra,
Đó thật là hình thức đạo tặc,
Sa-môn, ngài trộm ngửi hương hoa.

Bồ-tát liền ngâm vần kệ thứ hai:

116. Ta chẳng hái, không bẻ gãy hoa,
Mùi hương ta ngửi tự đằng xa,
Ta không thể bảo nào duyên cớ,
Nàng nói ta đang ngửi trộm hoa.

Cùng lúc ấy, có một người đang đào bới ngó sen và củ sen, làm gãy nát thân cây sen. Bồ-tát thấy thế, liền nói:

– Nàng gọi một người ngửi mùi hương từ đàng xa là ăn trộm. Sao nàng không nói vậy với người kia?

Thế là ngài ngâm vần kệ thứ ba để nói chuyện này:

117. Kẻ nọ đang đào bới củ sen,
Phá thân cây gãy, đó nhìn xem,
Sao nàng không bảo cách hành động,
Kẻ ấy là bừa bãi, thấp hèn?

Nữ thần liền ngâm vần kệ thứ năm và thứ sáu giải thích tại sao nàng không nói với kẻ kia:

118. Những người phóng túng sống buông lơi,
Như áo vú em, đáng chán rồi,
Ta chẳng nói năng gì kẻ ấy,
Song ta chiếu cố nói ngài thôi.

119. Khi bỏ dục tham của thế nhân,
Và đi tìm cách tịnh thân tâm,
Tội dù chỉ nhỏ như đầu tóc,
Chẳng khác trên trời đám hắc vân.

Nghe nữ thần cảnh báo như vậy, Bồ-tát xúc động ngâm vần kệ thứ sáu:

120. Hiển nhiên thần nữ hiểu tinh tường,
Nên với ta, nàng đã đoái thương,
Nếu thấy ta rày còn tái phạm,
Xin nàng nói nữa, khẩn cầu nàng!

Sau đó, nữ thần ngâm vần kệ thứ bảy:

121. Ta chẳng sống đây phụng sự ngài,
Chúng ta không ở mướn cho ai,
Xin ngài tự kiếm đường đi tới,
Hạnh phúc tối cao giữa cõi đời.

Khích lệ ngài như thế xong, nữ thần trở về nơi cư trú của nàng. Còn Bồ-tát nhiệt tâm nhập đại định, về sau tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, nữ thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và vị khổ hạnh chính là Ta.

§393. CHUYỆN VẬT THỰC CÒN THỪA (*Vighāsajātaka*)[17] (*J.* III. 310)

Hạnh phúc là ai sống giữa đời...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Đông Viên, liên hệ đến một số Tỷ-kheo thích lạc thú.

Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) đã làm rung chuyển cả trú xứ của họ và cảnh báo họ. Tăng chúng bắt đầu bàn luận về lỗi lầm này tại pháp đường. Bậc Đạo sư được kể sự việc trên, liền bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên họ thích lạc thú.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[17] Tham chiếu: *J.* I. 219, *Tittirajātaka*, số §37; *Vin.* II. 146; *Xuất diệu kinh* "Niệm phẩm" 出曜經念品 (*T.*04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái lạc phẩm" 法集要頌經愛樂品 (*T.*04. 0213.5. 0779c23).

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka. Có bảy anh em trong một làng ở Kāsi nhận thấy tai hại của lòng tham dục, liền rời bỏ thế tục và trở thành ẩn sĩ. Họ sống ở giữa rừng, nhưng vẫn ham thích các lạc thú, không chuyên tâm tu tập và chỉ làm theo thói quen của vật chất.

Thiên chủ Sakka bảo:

– Ta muốn đi cảnh báo bọn này.

Do đó, ngài biến mình thành chim anh vũ (chim két) đến trú xứ của họ, vừa đậu trên cây vừa ngâm vần kệ đầu cảnh báo họ:

122. Hạnh phúc là ai sống giữa đời,
Bằng tàn dư bố thí mà thôi,
Được người tán thán trên trần thế,
Số phận đời sau, lạc cõi trời.

Khi ấy, một người trong bọn họ nghe tiếng chim anh vũ, liền gọi đám kia lại và ngâm vần kệ thứ hai:

123. Bậc trí phải chăng nên lắng tai,
Khi anh vũ nói giọng như người,
Hãy nghe, các bạn, chim ca tụng,
Bọn chúng ta đây, rõ tuyệt vời!

Anh vũ liền ngâm vần kệ thứ ba phủ nhận điều này:

124. Chẳng phải ta ca tụng các thầy,
Bọn ăn xác chết, hãy nghe đây,
Các thầy ăn món đồ thừa thãi,
Chẳng phải tàn dư bố thí này.

Khi nghe chim nói, họ đồng thanh ngâm vần kệ thứ tư:

125. Xuất thế bảy năm, cạo tóc đen,
Nơi đây ta sống tháng ngày liền,
Ăn đồ tàn thực, sao chim trách,
Vậy thế ai người thật đáng khen?

Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ năm khiển trách để họ phải ăn năn hối cải:

126. Món thừa sư, hổ, thú săn mồi,
Là thứ cần dùng của các người,
Quả thật chúng là đồ phế thải,
Dù người gọi "chỉ tàn dư thôi".

Nghe vậy, các vị ẩn sĩ lại hỏi:

– Nếu chúng ta không phải là người sống bằng tàn thực thì xin cho biết họ là những ai?

Ngài liền ngâm vần kệ thứ bảy nêu rõ ý nghĩa đích thực của việc này:

127. Người nào bố thí các Sa-môn,
Để đáp ứng ngay mọi thứ cần,

Rồi thọ những gì còn để lại,
Sống nhờ của bố thí dư tàn.

Như vậy, Bồ-tát làm cho họ ăn năn hối lỗi rồi trở về cõi của ngài.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, bảy ẩn sĩ kia là các Tỷ-kheo thích lạc thú này và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§394. CHUYỆN CHIM CÚT (*Vaṭṭakajātaka*) (*J.* III. 312)

Bơ, dầu đủ món cao lương...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Khi thấy vị ấy tham lam, bậc Đạo sư bảo:

– Đây không phải lần đầu ông tham lam, ngày xưa có lần do tham lam, ông không thỏa mãn với các xác voi, bò ngựa và hy vọng kiếm được nhiều thức ăn ngon hơn, ông đã vào rừng sâu.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con chim cút sống ở rừng sâu bằng cỏ khô và hạt cây. Thời ấy, tại Ba-la-nại có một con quạ tham ăn, không hài lòng với các xác chết của voi, ngựa và nhiều súc vật khác, liền vào rừng kia với hy vọng tìm nhiều của ngon vật lạ hơn. Trong lúc ăn trái rừng, nó chợt thấy Bồ-tát liền nghĩ thầm: "Con chim cút này rất mập, ta đoán nó ăn nhiều thức ăn ngon ngọt, ta muốn hỏi nó về món kia và ăn để ta cũng mập hơn."

Quạ đậu trên bụi cây cao hơn Bồ-tát, dù nó không hỏi, Bồ-tát vẫn chào nó và ngâm vần kệ đầu:

128. Bơ, dầu đủ món cao lương,
Chú ơi, thực phẩm chú toàn thơm ngon,
Cho tôi biết rõ nguồn cơn,
Tại sao chú phải gầy mòn thế ư?

Nghe lời này, quạ ngâm ba vần kệ đáp lại:

129. Ta đang sống giữa kẻ thù,
Lòng ta cứ phải ưu tư rã rời,
Hãi kinh đi kiếm miếng mồi,
Muốn thành béo mập, cút ơi, cách nào?

130. Suốt đời quạ sống lo âu,
Trí luôn cảnh giác, đương đầu nguy nan,
Miếng mồi kiếm chẳng đủ ăn,
Cút ơi, vì thế gầy mòn thân ta!

131. Cỏ khô, hạt thóc quả là,
Thức ăn của cút chẳng no béo gì,
Vì sao cút mập thế kia,
Lại ăn ít ỏi, nói đi, bạn vàng!

Bồ-tát nghe vậy, ngâm các vần kệ giải thích lý do béo mập của mình:

132. Ta mong vừa đủ an nhàn,
Thong dong bay lượn quãng đường ngắn kia,
Kiếm ăn bất cứ vật gì,
Nên ta béo mập khó bì, quạ ơi!

133. Tràn đầy hạnh phúc, an vui,
Trong lòng biết đủ, thảnh thơi tháng ngày,
Mục tiêu dễ đạt lắm thay,
Đây phần ưu thắng đời này ta theo.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này và chim cút chính là Ta.

§395. CHUYỆN CON QUẠ (*Kākajātaka*)[18] (*J.* III. 314)

Ông bạn cũ ơi, hãy ngắm xem...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam. Câu chuyện này đã được kể ở trên.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là chim bồ câu sống trong cái thúng ở trong nhà bếp của một thương nhân xứ Ba-la-nại. Một chú quạ đến kết thân với bồ câu và cùng sống ở đó. Đến đây câu chuyện cần được trình bày đầy đủ chi tiết hơn. Người đầu bếp nhặt hết lông quạ, rắc bột lên rồi chọc thủng một vỏ ốc bóng loáng đeo trên cổ quạ và ném nó vào thúng.

Bồ-tát bay từ rừng về, thấy vậy và ngâm vần kệ đầu để trêu ghẹo quạ:

---

[18] Bản Tích Lan viết *Kākajātaka*, nghĩa là *Chuyện con quạ*. Bản CST viết *Pārāvatajātaka*, nghĩa là *Chuyện chim bồ câu*. Xem *J.* I. 241, *Kapotajātaka* (*Chuyện chim bồ câu*), số §42; *J.* II. 360, *Lolajātaka* (*Chuyện tham ăn*), số §274.

134. Ông bạn cũ ơi, hãy ngắm xem,
Nữ trang sáng rực rỡ đeo lên,
Bộ râu tỉa gọn oai ra phết,
Trông bạn thật tươi trước mắt nhìn!

Quạ nghe lời này, liền đáp vần kệ thứ hai:

135. Các lông, móng cứ mọc nhanh ghê,
Làm vương víu ta khắp mọi bề,
Thợ hớt tóc sau cùng bước tới,
Nên ta thoát lớp vỏ xù xì!

Sau đó, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba:

136. Dĩ nhiên quạ được vặt lông đen,
Chú thợ cạo kia thật khéo khen!
Quanh cổ thì sao, xin nói rõ,
Cái gì lủng lẳng tựa chuông reng?

Tiếp theo, quạ ngâm hai vần kệ nữa:

137. Những người thanh lịch vẫn đeo hoài,
Quanh cổ ngọc châu, thói ở đời,
Muốn bắt chước người, ta cũng vậy,
Bạn đừng tưởng đó chuyện đùa chơi!

138. Còn nếu bạn ganh tị bộ ria,
Được khéo điểm tô chải chuốt kia,
Ta sẽ nhờ người này cạo giúp,
Rồi đeo ngọc, bạn cũng như ta.

Bồ-tát nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ sáu:

139. Không, chính ông phù hợp nhất đời,
Với râu và ngọc khéo ra oai,
Thấy ông hiện diện gây phiền toái,
Ta giã biệt ông, cất bước thôi!

Cùng với các lời này, bồ câu bay đi nơi khác, còn quạ chết ngay tại chỗ ấy.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Tam quả (Bất lai). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con quạ là vị Tỷ-kheo tham lam này, còn bồ câu chính là Ta.